

KẾ HOẠCH
CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC TRƯỜNG MN HỌA MI
Năm học 2024-2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG:

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 8 Chương trình giáo dục và Điều 25 Chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 01/2021/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 04 năm 2021 thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

Căn cứ quyết định số 2324/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 09/08/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 của GD mầm non, GD phổ thông và GD thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ tài liệu hướng dẫn phát triển Chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Căn cứ đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, các nhóm lớp và đội ngũ giáo viên trường Mầm non Họa Mi năm học 2023 - 2024;

Căn cứ tình hình thực tiễn, trường Mầm non Họa Mi xây dựng Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

II. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1.1. Thời cơ

- Sau đại hội Đảng các cấp lần thứ XIII, tỉnh Quảng Ninh chú trọng tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm thực hiện tích cực Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Thực hiện Nghị quyết

Đại hội Đảng bộ thị xã Đông Triều lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025. Nghị quyết số 100-NQ/TU ngày 29/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ thị xã về phê duyệt đề án phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2025 định hướng đến năm 2030. Phòng Giáo dục đào tạo thị xã Đông Triều lại tiếp tục rà soát các trường có điều kiện tiến xa hơn lộ trình trường đạt chuẩn Quốc Gia và trong đó có trường Mầm non Hoà Mi.

Trường Mầm non Hoà Mi được thành lập tháng 2 năm 2009. Qua quá trình xây dựng và phát triển đã từng bước vươn lên tự khẳng định vị thế của mình trong ngành giáo dục và đào tạo thị xã Đông Triều; tỉnh Quảng Ninh. Trở thành một địa chỉ tin cậy, thân thương của phụ huynh học sinh và cũng chứa đựng niềm tin tự hào của đội ngũ cán bộ giáo viên - nhân viên nhà trường.

Trường Mầm non Hoà Mi là một trong những trường miền núi của thị xã Đông Triều. Được tách từ Trường Mầm non Bình Khê. Trường nằm trên trục đường bê tông giáp với xã Trảng Lươg. Có 60% là dân tộc thiểu số nằm rải rác trên 5 thôn, có điểm cách xa trung tâm 8 – 9 km. Sau khi tách trường được sự quan tâm của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ninh, UBND; PGD&ĐT Thị xã Đông Triều, Đảng uỷ, UBND xã Bình Khê đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho dạy và học do vậy chất lượng nuôi, dạy không ngừng được nâng lên.

- Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã dần đi vào cuộc sống, giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng.

1.2. Thách thức

- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập vì thế đòi hỏi chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường phải luôn được nâng cao. Điều này đòi hỏi, CBQL nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; các mối quan hệ xã hội, trong cách nghĩ, cách làm; trong thực hiện chính sách và động viên, khen thưởng kịp thời.

- Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL tại trường MN cần phải đảm bảo nâng cao năng lực, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và các kỹ năng về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN, góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL trên địa bàn xã nói riêng và thị xã Đông Triều nói chung

- Tiềm năng kinh tế của địa phương xã Bình Khê là vùng núi, chủ yếu là làm rừng và nông nghiệp. Những năm gần đây, do tình hình dịch bệnh Covid-19 xảy ra nhiều năm liên tục đã làm giảm chất lượng kinh tế, ảnh hưởng đến mức thu nhập người dân trong vùng.

- Trình độ dân trí tại địa phương không đồng đều chưa quan tâm nhiều đến giáo dục nên việc đầu tư, quan tâm, chăm lo cho việc học của con em, nhất là lứa tuổi mầm non là chưa được sát sao.

- Công tác xã hội hoá giáo dục chưa được phu huynh hưởng ứng cao.

2. Bối cảnh bên trong nhà trường

*** Điểm mạnh:**

Sau khi thành lập, nhà trường đã đi vào hoạt động ổn định, quy mô ngày càng phát triển năm sau cao hơn năm trước, đội ngũ cán bộ giáo viên - nhân viên tăng cả về số lượng và chất lượng. Cơ sở vật chất được sửa chữa và xây mới ngày càng hoàn thiện, khang trang. Nhà trường thực hiện tốt phong trào " Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm", tập thể hội đồng sư phạm luôn có ý thức đổi mới phương pháp quản lý, dạy học với tiêu chí " Lấy trẻ làm trung tâm ".

Năm 2013 trường mầm non Hòa Mi được công nhận là trường MN đạt chuẩn Quốc Gia mức độ 1. Đến năm 2018 nhà trường vinh dự được công nhận trường MN đạt chuẩn Quốc Gia mức độ 2 và chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 3.

Tập thể nhà trường nhiều năm liền đạt tập thể lao động tiên tiến xuất sắc, Chi bộ Đảng trong sạch vững mạnh.

- Thành tích đã đạt được trong năm học 2023-2024 của nhà trường:

- + Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2023- 2024.

- + 100% CB-GV-NV đạt danh hiệu LĐTT.

- + 01 đ/c được nhận Giấy khen của Sở GD

- + 03 đ/c đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở

- + 03 đ/c được nhận Giấy khen của UBND thị xã

- Đội ngũ: Toàn trường có 19 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trong đó:

- + CBQL: 03 người (Trình độ ĐHSP: 02). BGH luôn tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học, tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn thống nhất trong kế hoạch chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đoàn kết, sáng tạo, hỗ trợ nhau trong công tác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

- + Đội ngũ giáo viên: Nhà trường có 14 giáo viên đều có trình độ chuyên môn chuẩn và trên chuẩn (Trong đó: 13 đ/c ĐHSP, 01 đ/c CĐSP). Đa số giáo viên có nhiều kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; yêu nghề, yêu trẻ, năng động, không ngại đổi mới và học tập ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến.

- Môi trường giáo dục và các điều kiện về cơ sở vật chất

- + Môi trường cơ sở vật chất đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị dạy học, phòng học được trang bị đảm bảo số lượng, chất lượng, có các yếu tố an toàn cao, phục vụ đúng mục đích giáo dục từng độ tuổi. Nhà trường có 09 phòng học kiên cố, hiện đại, trang bị đầy đủ các đồ chơi theo thông tư số 02 của Bộ GD, 04

lớp được trang bị thiết bị thông minh, giúp phát huy tính sáng tạo của trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường còn có phòng thư viện, phòng nghệ thuật, phòng đa chức năng, sân khấu để thực hiện đầy đủ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và giúp trẻ phát triển các năng khiếu.

+ Tiếp tục đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng đồ chơi, trang trí lớp theo chủ đề phải sáng tạo, linh hoạt và thiết thực, hiệu quả theo hướng Lấy trẻ làm trung tâm bằng việc tận dụng tối đa các nguyên vật liệu thiên nhiên và cho trẻ hoạt động hiệu quả qua việc tương tác tối đa của các giác quan để tìm ra tính chất, nội dung bài học.

+ Cây xanh, cây hoa xung quanh khuôn viên trường được phủ kín và chăm sóc thường xuyên tạo không gian thẩm mỹ, xanh sạch đẹp.

*** Điểm yếu:**

- Trường có 03 điểm trường nên khó khăn trong việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn; tổ chức các hoạt động chung: ngày hội ngày lễ, Hội thi...; đặc biệt khó khăn trong quản lý cơ sở vật chất.

- Cơ sở vật chất của nhà trường được xây dựng, đầu tư đã lâu nên nhiều hạng mục đã xuống cấp. Danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi chưa được bổ sung kịp thời theo quy định.

2.3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trường Mầm non Hòa Mi sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ toàn diện đạt tiêu chuẩn Quốc gia.

Sứ mệnh

Trường Mầm non Hòa Mi tạo dựng môi trường học tập vui chơi, an toàn lành mạnh, thân thiện, tôn trọng trẻ, xây dựng cho trẻ một tâm hồn đẹp với những phẩm chất tốt, bồi đắp những kiến thức phong phú thông qua các hoạt động trải nghiệm, dựa trên quan điểm coi trọng sự đa dạng về trí tuệ của trẻ, xây dựng trường mầm non hạnh phúc.

Giá trị cốt lõi

Giữ gìn những giá trị mang tính tốt đẹp nhân văn trong môi trường giáo dục. Tình đoàn kết, tinh thần trách nhiệm trong công việc, tình thương, lòng nhân ái, sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau.

III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

“Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; *khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn*; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, những năng lực, phẩm chất cần thiết làm nền tảng để trở thành công dân toàn cầu chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một và việc học tập suốt đời.

IV. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Xác định mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực giáo dục

a) Chương trình giáo dục nhà trẻ: Mục tiêu được trình bày theo 4 lĩnh vực phát triển: Thể chất; Nhận thức; Ngôn ngữ; Tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

<I> PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tổ chức vận động ban đầu (nhẹ nhàng, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

<II> PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

<III> PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

<IV> PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.

- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....

- *Có một số hiểu biết ban đầu về đa văn hóa vùng miền, dân tộc*

b) Chương trình giáo dục mẫu giáo: Mục tiêu được trình bày theo 5 lĩnh vực phát triển: Thể chất; Nhận thức; Ngôn ngữ; Tình cảm, kỹ năng xã hội; Thẩm mỹ

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

<I> PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

<II> PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
- *Có khả năng sử dụng 1 số thao tác đơn giản trên máy tính trong chơi trò chơi, các hoạt động và làm theo yêu cầu của cô.*

- *Có một số hiểu biết về đa văn hóa vùng miền, dân tộc*

<III> PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.
- *Có khả năng Tiếp cận và làm quen với tiếng anh qua từ ngữ, câu giao tiếp đơn giản hình ảnh quen thuộc gần gũi*

<IV> PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

<V> PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
- *Tiếp cận nghệ thuật đa văn hóa vùng miền, dân tộc*

2. Kế hoạch thực hiện

a) Phân phối thời gian

Ngày bắt đầu học kỳ 1	Ngày kết thúc học kỳ 1	Ngày bắt đầu học kỳ 2	Ngày kết thúc học kỳ 2	Kết thúc năm học
05/09/2024	10/01/2025	13/01/2025	23/5/2025	30/5/2025

b) Chế độ sinh hoạt

- Nhà trẻ:

*** Trẻ 12-24 tháng tuổi:**

- Trẻ 12-18 tháng tuổi
- + Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- + Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 12 - 18 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động
20 - 30 phút	Đón trẻ
50 – 60 phút	Chơi – Tập
80 - 90 phút	Ngủ
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi - Tập
20 - 30 phút	Ăn phụ
110 - 120 phút	Ngủ
50 - 60 phút	Ăn chính
80 - 90 phút	Chơi/Trả trẻ

- Trẻ 18 - 24 tháng tuổi:
- + Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- + Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 18 - 24 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 – 120 phút	Chơi – Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

- **Trẻ 24 - 36 tháng tuổi**
- + Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- + Ngủ: 1 giấc trưa.

Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi

Thời gian	Hoạt động
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

- Mẫu giáo:

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

3. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi và Kết quả mong đợi

3.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

a. Nhà trẻ

(1). Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)
13- 18 tháng	Cháo + Sữa mẹ	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal
18- 24 tháng	Cơm nát + sữa mẹ		
24 - 36 tháng	Cơm thường		

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

(2). Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

(3). Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

(4). Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

b. Mẫu giáo:

(1). Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

(2). Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

(3). Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

(4). Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

3.2. Giáo dục

ĐỘ TUỔI: 13 – 24 THÁNG TUỔI

1. Mục tiêu nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1.1. Tổ chức ăn	
MT1: Ăn đủ bữa ăn : Hai bữa chính và một bữa phụ.đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định	Trẻ được ăn theo Chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường. Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 60 – 70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651 Kcal .
-Trẻ em được chăm sóc	+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30%

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
nuôi dưỡng ăn uống đầy đủ các chất hợp vệ sinh ,đảm bảo an toàn thực phẩm	năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
1.2.Tổ chức ngủ	
MT2: Trẻ được Ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	Ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút: từ 11h30 – 13h45).
1.3.Vệ sinh	
MT3: Trẻ Biết vệ sinh cá nhân : rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Vệ sinh cá nhân đúng cách: + Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, sau khi tham gia các hoạt động... + Rửa mặt + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Vệ sinh môi trường:
MT4: Môi trường được vệ sinh đảm bảo : phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.	+ Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần
1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn	
MT5: Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/ năm (tháng 09 và 03). Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3). Phòng chống suy

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
lứa tuổi. Trẻ phát triển bình thường là ... Giảm tỷ lệ SDD... + Theo dõi, đánh giá sự phát triển SDD và béo phì (nếu có).	dinh dưỡng, béo phì.
MT6: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi - Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. - Cân trẻ 1 tháng 1 lần. - đo trẻ 3 tháng 1 lần. - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A - Trẻ 18 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 10,9kg; Chiều cao: 82,3 cm +Trẻ gái: Cân nặng: 10,2 kg Chiều cao: 80,7 0cm - Trẻ 24 tháng: +Trẻ trai:Cân nặng: 11,2 đến 14,0 (kg) Chiều cao: 79,4 đến 85,4 cm +Trẻ gái: Cân nặng: 10,6 đến 13,2 (kg) Chiều cao: 83,3 đến 89,8 cm - Trẻ em được quyền chăm sóc sức khỏe toàn diện bao gồm cả y tế dự phòng và điều trị . - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên năm học.
MT7: Trẻ được phòng tránh các dịch bệnh xảy ra tại lớp. Tiêm chủng theo quy định.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp (tay chân miệng, các dịch bệnh theo mùa: cúm A,B, bệnh thủy đậu...). - Tiêm chủng: uống các loại VTM, tiêm chủng theo chương trình của Y tế.
MT8: Trẻ được đảm bảo	- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
Phòng tránh một số tai nạn thương tích	thường gặp

2. Mục tiêu, nội dung giáo dục.

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
2.1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	
MT9: <i>Bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước – đưa sang ngang. Hô hấp hít thở</i> <i>Trẻ biết tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.</i>	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên - Chân: - Chân: dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên. - <i>Trẻ tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.</i>
Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	
MT10: Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m	- Tập đi - Đi đến với cô - Đi trong đường hẹp; - Bước qua vật cản - Đi theo các hướng khác nhau - Đi theo hiệu lệnh - Đi có mang vật nhỏ trên tay
MT11: Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Bò trườn tới đích
MT12: Trẻ biết bước lên xuống bậc thang	- Tập bước lên xuống bậc thang
MT13 Thực hiện phối hợp	- Ngồi lăn, tung bóng

vận động tay - mắt: biết lăn - bắt bóng với cô.	- Lăn - bắt bóng với cô. - Lăn bóng bằng hai tay - Lăn bóng vào đích
MT14: Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	- Ném bóng bằng một tay về phía trước 1,2m - Đá bóng lăn xa 1,5m - Ném bóng qua dây - Đứng ném, tung bóng
Thực hiện các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt.	
MT15: Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Xoay bàn tay, cử động các ngón tay - Nhặt đồ chơi, co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đập, đóng đồ vật - Đóng mở nắp không ren, nắp có ren - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay
MT16: Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.	- Đóng mở nắp có ren. - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Xếp chồng 4 - 5 khối.
MT17: Trẻ biết vạch các nét nguệch ngoạc	- Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt	
MT18: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cháo, cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cháo, cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.
MT19. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày.	- Nhận biết một số món ăn quen thuộc: Cơm, cháo, canh...
MT20. Trẻ biết thực hiện một số nề nếp thói quen tốt trong ăn uống, sinh hoạt:	- Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong vệ sinh: rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh
MT21. Trẻ biết ngủ đủ 2	- Làm quen thói quen ngủ 2 giấc trong ngày, 1

giấc, ngủ đủ một giấc buổi trưa.	giấc buổi trưa.
MT22. Trẻ biết ngồi bô, biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Luyện tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.
Thực hiện một số việc tự phục vụ giữ gìn sức khỏe	
MT23. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Ngồi vào bàn ăn; cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước)	- Tập tự ngồi vào bàn ăn - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
MT24. Trẻ biết tránh vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở. Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..)
2.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	
MT26. Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh tìm nơi phát ra âm thanh. - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi, nếm vị của một số hoa, quả, thức ăn quen thuộc, gần gũi:
Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi	
MT27. Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân. Trẻ em có quyền được bảo vệ không xâm hại bạo lực về thể xác và tinh thần ,xâm hại tình dục .	- Trẻ biết một số bộ phận trên cơ thể mắ,, mũi, miệng, tai, tay ,chân

MT28. Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi	- Tên của bản thân; hình ảnh của bản thân trong gương - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp
MT29. Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT30. Trẻ dùng điệu bộ/chỉ /lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật, phương tiện giao thông quen thuộc theo yêu cầu của người lớn	- Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc
MT31. Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi màu đỏ hoặc màu xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn	- Màu đỏ, xanh. - Kích thước to - nhỏ. - Thực hiện theo yêu cầu của cô hoặc người lớn.
2.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
Nghe hiểu lời nói	
MT32. Trẻ nghe các giọng nói khác nhau, thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Đi đến đây; Đi rửa tay; Đi đến chỗ con gấu;...	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
MT33. Trẻ hiểu, dừng hành động khi được nhắc nhở	- Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”, “Không được sờ”,...
MT34. Trẻ trả lời được một số câu hỏi đơn giản: Ai đây? con gì đây? Cái gì đây...	- Nghe và trả lời các câu hỏi: “Ở đâu?”, “Con gì?”, “thế nào”, “Cái gì?”, “Làm gì?” - Đặt các câu hỏi: Làm gì? Con gì? Cái gì? Ở đâu? Thế nào?
Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
MT35. Trẻ thích nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản	- Lắng nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh

theo tranh	
MT36. Trẻ nhắc lại các từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Phát âm các âm khác nhau. - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Trả lời và đặt câu hỏi: "Con gì?", "Cái gì?"... - <i>Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh và nhắc lại theo yêu cầu của cô.</i>
MT37. Trẻ biết đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo cô tiếng cuối của câu thơ - Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ
Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
MT38. Trẻ nói được câu đơn 2- 3 tiếng: Mẹ bế, mẹ bế bé, con đi chơi, mẹ đi làm. ...	- Nói câu đơn 2 - 3 tiếng thể hiện nhu cầu mong muốn của bản thân bằng câu đơn giản
MT39. <i>Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (Con uống nước, con muốn,). Trẻ biết bày tỏ nhu cầu, cảm xúc hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ</i>	- Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng 1 từ, câu đơn giản - <i>Trẻ bày tỏ nhu cầu, cảm xúc hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ</i>
2.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội, thẩm mỹ	
Biểu lộ sự nhận thức về bản thân	
MT40. Trẻ nhận ra bản thân trong gương trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi)	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh của bản thân.
Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi	
MT41. Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn.
MT42. Trẻ biết cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui buồn sợ hãi của mình với	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh

những người xung quanh	
MT43. Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Quan tâm đến các con vật nuôi
Thực hiện các hành vi xã hội đơn giản	
MT44. Trẻ biết chào, tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp đơn giản: chào, tạm biệt, cảm ơn, nói từ "ạ", "ạ";
MT45. Trẻ biết bắt chước một vài hành vi xã hội (Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)	- Tập một vài hành vi xã hội (Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)
MT46. Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn	- Thực hiện một số yêu cầu của người lớn
Thể hiện cảm xúc qua bài hát , vận động theo nhạc/ tô, vẽ nặn xếp hình, xem tranh	
MT47. Trẻ thích nghe hát và vận động nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay). <i>Trẻ thích nghe các bản nhạc không lời, các bài hát thiếu nhi tiếng Anh</i>	- Nghe hát, nghe nhạc theo các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc. - <i>Nghe các bản nhạc không lời, các bài hát thiếu nhi tiếng Anh</i>
MT48. Trẻ thích vẽ, xem tranh	- Tập cầm bút vẽ - Xem tranh.

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Nhóm trẻ 12 – 24 tháng tuổi

STT	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề
1	Bé và các bạn	4 tuần (Từ ngày 05/9/2024 đến 04/10/2024)
2	Mẹ và những người thân	4 tuần

	yêu của bé	(Từ 07/10/2024 đến 01/11/2024)
3	Đồ chơi của bé	4 tuần (Từ ngày 04/11 đến 29/11/2024)
4	Các cô, bác trong trường mầm non	3 tuần (Từ 02/12/2024 đến 20/12/2024)
5	Cây và những bông hoa đẹp	4 tuần (Từ ngày 23/12 đến 17/01/2025)
6	Tết và mùa xuân	3 tuần (Từ 20/01/2025 – 21/02/2025)
<i>Nghỉ tết Nguyên đán từ 27/01/2025 đến 08/02/2025</i>		
7	Những con vật đáng yêu	4 tuần (Từ ngày 24/02 - 21/3/2025)
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì?	4 tuần (Từ 24/03 - 18/4/2025)
9	Mùa hè đến rồi	4 tuần (Từ 21/04/ - 16/05/2025)
10	Bác hồ với thiếu nhi	1 tuần (Từ 19/05/2025- 23/05/2025)

ĐỘ TUỔI: 24 – 36 THÁNG

MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

1.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

TT	Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
1	-Trẻ được ăn hai bữa chính và một bữa phụ đảm bảo năng lượng các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo quy định.	Chế độ ăn: Cơm thường, Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ: 930-1000 Kcal, Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm

	-Trẻ được ăn theo thực đơn, phù hợp với lứa tuổi, nguồn thực phẩm của địa phương và được thay đổi không trùng lặp	60 - 70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651 Kcal + <i>Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:</i> Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + <i>Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.
2	-Trẻ được Ngủ 1 giấc ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ 150 phút
3	-Trẻ biết vệ sinh cá nhân , vệ sinh môi trường	- Vệ sinh cá nhân, rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.
4	- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Trẻ biết phòng tránh các bệnh thường gặp.	Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp.

	-Trẻ được theo dõi tiêm chủng. - Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	-Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
--	---	---

1.2. Giáo dục

	Mục tiêu cụ thể (Kết quả mong đợi)	Nội dung
I	Lĩnh vực phát triển thể chất	
Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.		
1	Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng / bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân
Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.		
2	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi, đứng.	- Đi theo hiệu lệnh, - Đi trong đường hẹp; - Đi có mang vật trên tay. - Đứng co một chân.
3	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô.	- Chạy theo hướng thẳng. - Chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo hiệu lệnh.
4	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò trong đường ngoằn ngoèo - Bò chui qua cổng
5	Trẻ biết nhún bật bằng 2 chân	- Bật tại chỗ

		- Bật qua vạch kẻ
6	Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung bóng với cô ở khoảng cánh 1m: ném vào đích xa 1-	- Tung - bắt bóng cùng cô - Ném bắt bóng vào đích
7	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)	- Ném bóng về phía trước
Thực hiện các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt.		
8	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo”	- Nhón nhặt đồ vật - Tập cầm bút tô, vẽ
9	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn: vẽ tô chim: xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập xâu, luồn dây, cời cúc, cài, buộc dây - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, vò, xé, đào. - Đóng cọc bàn gỗ
10	Trẻ biết chắp ghép được các mảnh hình	- Chắp ghép hình
Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt		
11	Trẻ biết thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ	- Rèn trẻ đi vệ sinh theo giờ. - Hướng dẫn trẻ làm quen với thời gian biểu, thời khoá biểu của lớp: Giờ đón trẻ; giờ thể dục sáng; giờ chơi tập có chủ định; giờ chơi tự do ở các góc; giờ chơi tập buổi chiều; giờ ăn, ngủ; giờ trả trẻ.
12	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
13	Trẻ có một số nề nếp thói quen trong sinh hoạt hàng ngày.	- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau miệng, uống nước sau khi ăn và vứt rác đúng nơi quy định
14	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.

15	Trẻ ngủ được một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa
16	Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng lời nói, cử chỉ.	- Trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, uống, đi vệ sinh.
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe		
17	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn	Tập tự phục vụ - Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần, áo khi bị bẩn, ướt, cởi tất... - Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thói quen đơn giản trong
18	Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép: mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ có thói quen khi đi ra ngoài là phải đội mũ, áo nắng, giày dép
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn		
19	Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy hiểm (<i>như bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước</i>) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được sờ vào hoặc đến gần (<i>bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước</i>)
20	Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (<i>leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...</i>) khi được nhắc nhở	- Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh (<i>leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...</i>) .
II	Lĩnh vực phát triển nhận thức	
	Luyện tập và phối hợp các giác quan (<i>Thị giác, thính giác, xúc giác,</i>	
21	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng <i>gần gũi, quen thuộc như đồ chơi, đồ vật, quả, thức ăn.</i>	- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn nhẵn- xù xì. - Sờ nắn nhìn ngửi ...đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt- mặn- chua)
22	Trẻ biết tìm đồ vật vừa mới cất giấu	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu
23	Biết nghe và nhận biết các âm thanh khác nhau	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu một số con vật

		quen thuộc
Nhận biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.		
24	Nói được tên và chức năng một số bộ phận của cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân
25	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình
26	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.
27	Trẻ biết tên, đặc điểm nổi bật cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	- Đồ dùng, đồ chơi đặc điểm nổi bật cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc: Cọ Thổi, đồ chơi gì ?
28	Trẻ biết gọi tên cô giáo và các bạn trong lớp	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp
29	Trẻ biết tên, đặc điểm nổi bật của một số con vật quen thuộc như: gà vịt, chó, mèo, lợn	Tên, đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc như gà vịt, chó, mèo, lợn
30	Trẻ biết gọi tên, một số đặc điểm của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi: xe đạp, xe máy, xe ô tô, tàu hỏa
31	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, rau quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của đồ vật, hoa, quả, rau quen thuộc.
32	Chỉ nói tên và lấy hoặc cắt đúng được màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh
33	Chỉ nói tên hoặc lấy hoặc cắt đúng đồ chơi có kích thước to- nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước (to - nhỏ)

34	Trẻ nhận biết được vị trí không gian so với bản thân.	- Vị trí trong không gian: (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ
35	Trẻ nhận biết hình tròn, hình vuông.	- Hình tròn, hình vuông.
36	Trẻ nhận biết số lượng (một và nhiều)	- Số lượng (một và nhiều)
III	Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
	Nghe hiểu lời nói	
37	Trẻ nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.
38	Trẻ nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.
39	Trẻ nghe hiểu và thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “ cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói gồm 2-3 hành động.
40	Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “ Ai đây” “Cái gì đây?”; “Làm gì ?”; “ thế nào ?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào?	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì? ” ;“Ở đâu?”; “ Như thế nào?”; “Để làm gì?” - Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?” ;“Ở đâu?”; “ Thế nào?”; “Để làm gì?”; “ Tại sao”
41	Trẻ nghe hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các nhân vật.	- Nghe truyện ngắn
42	Trẻ nghe hiểu được nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố
	Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
43	Trẻ biết phát âm rõ tiếng	- Phát âm các âm khác nhau
44	Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý

45	Trẻ đọc được các bài thơ, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc được các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3 - 4 tiếng
46	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp.
47	Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau, chào hỏi khi trò chuyện.	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi khi trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân + Hỏi về các vấn đề trẻ quan tâm như: cái gì đây?, con gì đây? ...
48	Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
49	Trẻ biết bày tỏ nhu cầu mong muốn của bản thân.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của bản thân và hiểu biết bằng một, hai câu đơn giản và câu dài.
Làm quen với sách		
50	Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách
51	Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi trong tranh.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
IV	Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội	
52	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên và tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân .
53	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích	- Thể hiện những điều mình thích hay không thích của mình.
54	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	- Giao tiếp với những người xung quanh chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn
55	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn và tức giận, sợ hãi.	- Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận, sợ hãi.
56	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, vui: buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	-Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.

57	Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi của con chó, gà, vịt, mèo	- Trẻ quan tâm đến con vật nuôi gần gũi quen thuộc con chó, gà, vịt, mèo.
58	Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa, giao tiếp Chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.
59	Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em bé, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi để thể hiện hành vi xã hội đơn giản như: búp bê (chơi trò chơi bế em), nôi, thìa, bát, bếp (chơi trò chơi Khuấy bột cho em bé), điện thoại (chơi trò chơi nghe điện thoại)...
60	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn, chơi cùng bạn không tranh giành đồ chơi của bạn cùng chơi.
61	Biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản (ghi rõ) của giáo viên như: Lấy và đồ dùng cá nhân, để dép lên giá, để rác đúng nơi quy định(sửa theo sắp hướng dẫn) - Thực hiện một số quy định đơn giản sinh hoạt ở nhóm lớp, xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định
62	Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Hát và tập vận động bài hát đơn giản theo nhạc quen thuộc
63	Trẻ biết lắng nghe hát, nghe nhạc, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau, nghe âm thanh nhạc cụ.	Nghe hát, nghe nhạc, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau, nghe âm thanh nhạc cụ.
64	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé dán xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, nặn, xếp hình,
65	Trẻ thích xem tranh	- Xem tranh ảnh theo chủ đề - Xem tranh ảnh về các sự vật, con vật gần gũi quen thuộc.

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

TT	Tên chủ đề dự kiến	Số tuần
1	Bé và các bạn	3 tuần (05/9/2024 -27/9/2024)
2	Đồ chơi của bé	4 tuần (30/9/2024 - 25/10/2024)
3	Các cô các bác trong nhà trẻ	3 tuần(28/10/2024 - 15/11/2024)
4	Mẹ và những người thân yêu của bé	4 tuần (18/11/2024 - 13/12/2024)
5	Những con vật đáng yêu	4 tuần (16/12/2024 - 10/01/2025)
6	Mùa xuân và Tết	4 tuần (13/01/2025 - 21/02/2025)
<i>Nghỉ Tết nguyên đán từ 27/01/2025 đến 08/02/2025</i>		
7	Cây và những bông hoa đẹp	4 tuần(24/02/2025 - 21/03/2025)
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng những phương tiện gì	3 tuần (24/03/2025 - 11/04/2025)
9	Mùa hè đến rồi	3 tuần (14/04/2025 - 02/05/2025)
10	Bé lên mẫu giáo	3 tuần (05/05/2025 - 23/05/2025)
Cộng	10 chủ đề	35 tuần

ĐỘ TUỔI: 3 - 4 TUỔI

I. Mục tiêu, nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng

Mục tiêu	Nội dung
MT1- Trẻ được theo dõi sức khỏe	- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần. - Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ: Cân 3 tháng 1 lần và đo chiều cao 6 tháng 1 lần. - Cân và theo dõi hàng tháng những trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân. - Theo dõi và đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.

MT2- Trẻ được tiêm chủng đầy đủ và biết cách phòng tránh các dịch bệnh theo mùa.	- Phối hợp với nhà trường, y tế địa phương đưa con đi tiêm chủng đầy đủ. - Theo dõi tình trạng sức khỏe của trẻ. - Tuyên truyền với phụ huynh về cách phòng tránh các dịch bệnh theo mùa. - Trò chuyện với trẻ về thời tiết trong ngày.
MT3- Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Trẻ biết vệ sinh trước và sau khi ăn - Trẻ được ngủ đủ giấc, khi tỉnh dậy có một tinh thần thoải mái không mệt mỏi	- Đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ được cân đối. - Nước uống đựng trong bình kín có nắp đậy sử dụng trong ngày. - Hướng dẫn trẻ rửa sạch tay trước khi ăn, xếp bát, thìa đúng nơi quy định. Uống nước, lau tay, lau miệng sau khi ăn, đi vệ sinh. - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút)
MT4- Trẻ biết cách vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.	- Chuẩn bị đồ dùng vệ sinh cá nhân: xà phòng, khăn khô để lau tay, khăn mặt có ký hiệu của trẻ, - Hướng dẫn trẻ cách lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn. - Hướng dẫn trẻ cách chải răng và kết hợp với gia đình để dạy trẻ, tuyên truyền cho phụ huynh không nên cho trẻ ăn quà vặt phòng bệnh răng miệng. - Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, xả nước, rửa tay sau khi đi vệ sinh. - Hướng dẫn trẻ giữ gìn quần áo, giày dép sạch sẽ. - Hướng dẫn trẻ vứt rác đúng nơi quy định, không vẽ bẩn lên tường, bàn ghế.
MT5- Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thương tích thường gặp.	- Tạo môi trường an toàn cho trẻ về thể lực, sức khỏe, tâm lý và tính mạng. + Phối hợp với gia đình nhà trường chăm sóc nuôi dưỡng trẻ và phòng tránh bệnh tật.

	+ Có chỗ để túi cứu thương của lớp. + Không gò ép trẻ, tiếp xúc vui vẻ với trẻ, tạo không khí vui vẻ, quan tâm trẻ có nhu cầu đặc biệt. + Giám sát, bao quát trẻ chặt chẽ: không cho trẻ tiếp xúc nhận quà từ người lạ.
--	---

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục

LĨNH VỰC	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG	
	MT6- Trẻ thực hiện đầy đủ các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp theo hướng dẫn	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Co duỗi chân
	MT7- Trẻ biết giữ thăng bằng khi đi, đi thẳng người	- Đi bằng gót bàn chân - Đi bước qua vòng - Đi trong đường hẹp - Đi kiễng gót
	MT8- Trẻ kiểm soát được vận động khi thay đổi tốc độ	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi, Chạy thay đổi hướng theo đường đích

	vận động đi, chạy	đắc - Đi, Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.
	MT9- Trẻ biết bò theo yêu cầu	- Phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện vận động (Ứng dụng phương pháp trải nghiệm): + Bò theo hướng thẳng (Bò thấp) + Bò theo đường dích dắc qua 3 điểm + Bò chui qua cổng
	MT10- Trẻ biết thực hiện động tác trườn, trèo	- Trườn theo hướng thẳng - Trườn theo đường dích dắc - Trườn về phía trước - Bước lên, xuống bậc cao 30cm
	MT11- Trẻ biết tung và bắt bóng với cô, biết lăn bóng bằng hai tay	- Tung bắt bóng với cô. - Lăn bóng bằng 2 tay - Lăn bóng vào đích (Khoảng cách từ 1m-1,2m) - Lăn bóng qua cổng - Lăn bóng trên ván dốc
	MT12- Trẻ biết đập bóng xuống sàn	- Đập bóng xuống sàn và bắt bóng bằng 2 tay - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng bằng 1 tay
	MT13- Trẻ biết chuyền, bắt bóng bằng 2 tay	- Ứng dụng phương pháp tiên tiến để phát triển khả năng hợp tác và làm việc nhóm để giải quyết các kỹ năng: + Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc + Chuyền bắt bóng theo vòng tròn
	MT14- Trẻ biết ném trúng đích bằng 1 tay	- Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay - Ném trúng đích thẳng đứng

MT15- Trẻ biết ném xa	- Ném xa bằng 1 tay (tối thiểu 3m)
MT16- Trẻ biết bật, nhảy bằng 2 chân	- Bật, nhảy tại chỗ - Bật về phía trước
MT17- Trẻ biết bật xa 20-25cm	- Bật xa 20- 25cm
MT18- Trẻ biết các cử động của bàn tay, ngón tay	- Gập, đan các ngón tay vào nhau - Quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay
MT19- Trẻ biết phối hợp tay - mắt	- Ứng dụng phương pháp Motesseri để phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện các vận động: + Đan tết + Cài, cởi cúc + Xếp chồng các hình khối khác nhau.
MT20- Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	- Xé, dán giấy - Sử dụng kéo bút - Tô vẽ nguyệt lịch ngược. vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được 1 đoạn 10 cm.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG	
MT21- Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A + Trẻ trai: Cân nặng: 14,3-21,1kg Chiều cao: 96,1 - 103,3cm + Trẻ gái: Cân nặng: 13,9-21,4kg Chiều cao: 95,1 - 102,7 cm	- Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng theo WHO - Trẻ phải được khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần. Theo dõi cân đo sức khỏe: Cân 3 tháng 1 lần và đo chiều cao 3 tháng 1 lần. - Với trẻ suy sinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, béo phì, cân hoặc đo 1 tháng/lần - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển. - Theo dõi sức khỏe của trẻ trong thời gian dịch bệnh
MT22- Trẻ nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc	- Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc.

		- Tên gọi một số món ăn quen thuộc - Nhận biết một số chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Biết ăn hết xuất để cơ thể khỏe mạnh
	MT23- Trẻ nhận biết các bữa ăn trong ngày	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày - Ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất
	MT24- Trẻ biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)
	MT25- Trẻ biết thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
	MT26- Trẻ biết các thao tác đánh răng, lau mặt	- Ứng dụng phương pháp Motesseri để phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Đánh răng nhờ sự giúp đỡ của người lớn
	MT27- Trẻ biết các thao tác rửa tay bằng xà phòng	- Tập rửa tay bằng xà phòng - Tự rửa tay bằng xà phòng có sự giúp đỡ của người lớn
	MT28- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Luyện đi vệ sinh đúng giờ, đúng nơi qui định
	MT29- Trẻ biết một số thói quen bảo vệ và giữ gìn sức khỏe	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe
	MT30- Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người
	MT31- Trẻ nhận biết được trang phục theo thời tiết	- Nhận biết trang phục theo thời tiết mùa hè, mùa đông. - Chấp nhận đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh
	MT32- Trẻ biết được một số biểu hiện khi ốm	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm: Nóng sốt, mệt mỏi, đau đầu...

		- Nói với người lớn khi đau, khi chảy máu
	MT33- Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để phát triển khả năng tưởng tượng, hợp tác nhóm để giải quyết vấn đề nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn - Nhận biết những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng
	MT34- Trẻ biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
	MT35- Trẻ biết không được theo người lạ ra khỏi trường.	- Ứng dụng phương pháp Motesseri để phát triển kỹ năng cá nhân, tính độc lập, khả năng dự đoán và giải quyết các tình huống: + Không được theo người lạ ra khỏi trường + Người lạ đến đón không theo + Người lạ rủ đi chơi không được đi
	MT36- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Không cười đùa trong khi ăn - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn, ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	KHÁM PHÁ KHOA HỌC	
	MT37- Trẻ nhận biết tên gọi chức năng của giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể	- Tên gọi chức năng của giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể
	MT38- Trẻ nhận biết đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi
	MT39- Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, công dụng	- Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc

	của một số phương tiện giao thông quen thuộc	
MT40- Trẻ nhận biết đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc	
MT41- Trẻ nhận biết sự cần thiết của việc chăm sóc, tưới cây	- Bắt sâu, nhổ cỏ tưới nước cho cây, hoa - Các công đoạn để trồng được cây	
MT42- Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm , công dụng của một số loại rau, củ, quả	- Tên gọi, đặc điểm , công dụng của một số loại rau, củ, quả.	
MT43- Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, ích lợi của một số con vật	- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, ích lợi của một số động vật: Một số loài cá, động vật lưỡng cư, bò sát, thú, chim và côn trùng	
MT44- Trẻ nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Ứng dụng phương pháp tiên tiến để phát triển khả năng hợp tác và làm việc nhóm giúp trẻ tìm ra mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng ta	
MT45- Trẻ nhận biết về thời tiết	- Hiện tượng: Nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ	
MT46- Trẻ biết nhận biết tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm	- Tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm: Xuân, hạ, thu, đông	
MT47- Trẻ nhận biết phân biệt ngày và đêm	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm, mặt trăng và mặt trời	
MT48- Trẻ hiểu biết về nước	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày - Ích lợi của nước với đời sống con người	
MT49- Trẻ có hiểu biết về không khí và ánh sáng	- Con người cần có ô xy để thở - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày	
MT50- Trẻ có hiểu biết về đất, đá, cát, sỏi	- Ứng dụng phương pháp STEAM cho trẻ trải nghiệm để tìm ra một số đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	

LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN	
MT51- Trẻ đếm được trong phạm vi 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.
MT52- Trẻ biết so sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau	- Biết so sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
MT53- Trẻ biết được một và nhiều	- Biết một và nhiều
MT54- Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.
MT55- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ. - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.
MT56- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.
MT57- Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
MT58- Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước	- Ứng dụng phương pháp Stem để trẻ phát triển tư duy logic khi: So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau
MT59- Trẻ biết xếp xen kẽ	- Xếp xen kẽ
MT60- Trẻ biết tên gọi và nhận dạng các hình trong thực tế: Vuông, tròn, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	Nhận biết tên gọi và nhận dạng các hình trong thực tế: Vuông, tròn, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế

	MT61- Trẻ biết sử dụng các hình học để lắp ghép	- Sử dụng các hình học để lắp ghép
	MT62- Trẻ nhận biết được phía trên- dưới, trước- sau, tay phải – tay trái của bản thân	- Nhận biết phía trên- dưới, trước- sau, tay phải – tay trái của bản thân
	KHÁM PHÁ XÃ HỘI	
	MT63- Trẻ biết được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Biết được tên, tuổi, giới tính của bản thân
	MT64- Trẻ biết được tên bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	- Biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột - Kính trọng lễ phép với bố mẹ, ông bà - Gần gũi, thân thiện với anh, chị, em trong nhà
	MT65- Trẻ biết được tên lớp, tên của cô giáo.	- Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
	MT66- Trẻ biết tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp	- Biết tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp
	MT67- Trẻ biết tên gọi, sản phẩm và lợi ích của một số nghề phổ biến.	- Biết tên gọi, sản phẩm và lợi ích của nghề phổ biến khi được hỏi, xem tranh.
	MT68- Trẻ biết được cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, ngày khai giảng, trung thu...	- Biết được cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, ngày khai giảng, trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh
	MT69- Trẻ biết một số danh lam thắng cảnh địa phương.	- Biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE	
	MT70- Trẻ hiểu được lời nói trong giao tiếp đơn giản	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc
	MT71- Trẻ hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Hiểu được từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...
	MT71- Trẻ hiểu được nội	- Hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng

dung các câu đơn, câu mở rộng	- Lắng nghe và hiểu được câu hỏi của người đối thoại.
MT73- Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. - Bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.
MT74- Trẻ thích nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi..
MT75- Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi
PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI	
MT76- Trẻ biết phát âm các tiếng của tiếng Việt	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt - Nói rõ các tiếng
MT77- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	- Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Sử dụng câu đơn, câu ghép.
MT78- Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm Xúc, nhu cầu và hiểu biết của bản thân.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng
MT79- Trẻ biết trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”	- Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”
MT80- Trẻ biết sử dụng: một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép: Vâng, dạ, thưa...

	MT81- Trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (Lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ..	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
	MT82- Trẻ biết đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè và kể lại truyện được nghe có sự giúp đỡ	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè - Kể lại truyện được nghe có sự giúp đỡ
	MT83- Trẻ kể lại được những việc đơn giản đã diễn ra của bản thân	- Kể lại được những việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
	MT84- Trẻ biết mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ và kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	- Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ - Kể lại sự việc theo gợi mở của cô giáo
	MT85- Trẻ biết đóng vai các nhân vật trong truyện quen thuộc theo sự dẫn dắt của cô	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của cô giáo - Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện
	MT86- Trẻ biết sử dụng các từ “ vâng ạ”; “ Dạ”; “ Thưa”... trong giao tiếp	- Biết sử dụng các từ “ vâng ạ”; “ Dạ”; “ Thưa”... trong giao tiếp - Nói đủ nghe, không nói lí nhí.
LÀM QUEN VỚI ĐỌC VÀ VIẾT		
	MT87- Trẻ có thể biết một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...)
	MT88- Trẻ thể hiện sự thích thú với sách	- Tiếp xúc với sách truyện, chữ viết - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Đề nghị người khác đọc sách cho nghe
	MT89- Trẻ thích “đọc” theo truyện tranh đã biết	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
	MT90- Trẻ được làm quen với cách đọc, viết tiếng Việt	- Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt

		ngủ sau các đầu.
	MT91- Trẻ có một số hành vi như người đọc sách	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.
	MT92- Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách	- Giữ gìn, bảo vệ sách.
	MT93- Trẻ nhìn vào tranh minh họa gọi được tên nhân vật	- Nhìn vào tranh minh họa gọi được tên nhân vật trong tranh
	MT94- Trẻ thích vẽ ‘Viết’ nguệch ngoạc.	- Thích vẽ ‘Viết’ nguệch ngoạc.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
	MT95- Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân	- Tên, tuổi, giới tính - Địa chỉ gia đình
	MT96- Trẻ biết những điều bé thích, không thích	- Sở thích của bản Thân - Khả năng của bản thân
	MT97- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.
	MT98- Trẻ thích thực hiện công việc đơn giản được giao	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)
	MT99- Trẻ nhận biết một số trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói
	MT100- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, vận động	- Biết biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động
	MT101- Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Kính yêu BH
	MT102- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác - Sưu tầm tranh ảnh về Bác

	MT103- Trẻ quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	MT104- Trẻ biết một số qui định ở lớp và gia đình	- Để đồ dùng vào tủ tư Trang - Để đồ chơi đúng nơi qui định - Để dép, ca uông nước lên giá...
	MT105- Trẻ biết dùng cử chỉ đẹp, lời nói lễ phép	- Đến lớp chào cô, chào, bố ,mẹ - Biết xin khi được nhận quà - Cảm ơn khi được giúp đỡ
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	MT106- Trẻ biết chờ đến lượt	- Chờ đến lượt vệ sinh - Chờ đến lượt nhận cơm - Chờ đến lượt nhận đồ dùng học tập...
	MT107- Trẻ biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị,em ruột.	- Biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị,em ruột.
	MT108- Trẻ biết chơi hòa thuận với bạn	- Chơi hòa thuận với bạn - Quan tâm đến bạn - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ
	MT109- Trẻ nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”	- Ứng dụng phương pháp Montessori để phát triển kỹ năng mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của trẻ và khả năng dự đoán ; nhận nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”
	MT110- Trẻ biết tiết kiệm điện, nước	- Không vặn vòi nước khi chưa rửa tay - Không bật quạt khi đi chỗ khác chơi
	MT111- Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường	- Ăn quả xong vứt vỏ vào thùng rác - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Không bẻ cành cây vặt ra sân trường
	MT112- Trẻ biết bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiếngiúp trẻ tò mò, khám phá môi trường xung quanh, biết yêu và bảo vệ thiên nhiên với các nội

		dung : + Không đánh các con vật nuôi trong gia đình + Yêu và bảo vệ con vật + Không ngắt hoa, bẻ cành các loại cây cảnh trong vườn + Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và tham gia chăm sóc cây + Biết bỏ rác đúng nơi quy định.
	MT113- Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- Biết bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật gần gũi, ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
	MT114- Thích hát, nghe hát, nghe nhạc	- Nghe bài hát, bản nhạc thiếu nhi, dân ca - Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe kể chuyện.
	MT115- Trẻ hào hứng hát theo cô	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên
	MT116- Trẻ biết hát kết hợp với vận động đơn giản:	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát. - Vận động theo ý thích khi hát
	MT117- Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp
	MT118- Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của trẻ.	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của trẻ trước vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm tạo hình.
	MT119- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo gợi ý	- Ứng dụng phương pháp tiên tiến để phát triển khả năng tưởng tượng, sáng tạo của trẻ khi sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm

		- Nhận xét sản phẩm tạo hình
	MT120- Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	- Vẽ các nét thẳng, nét xiên, ngang bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn - Lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹt, xếp chồng... - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
	MT121- Trẻ vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
	MT122- Trẻ biết tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích - Tạo ra sản phẩm theo sự sáng tạo của trẻ
	MT123- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình
	MT124- Trẻ biết sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Biết sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT chủ đề GD	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề	Điều chỉnh kế hoạch
1	Bé thích đến trường mầm non	4 tuần (Từ 05/09/2024 đến 04/10/2024)	
2	Giúp bé yêu bản thân mình	4 tuần (Từ 07/10/2024 đến 01/11/2024)	
3	Gia đình thân yêu của bé	4 tuần (Từ 04/11/2024 đến 29/11/2024)	
4	Nghề ước mơ của bé	4 tuần (Từ 02/12/2024 đến 27/12/2024)	
5	Những loài cây thú vị quanh bé	4 tuần (Từ 30/12/2024 đến 24/01/2025)	
<i>Nghỉ tết Nguyên Đán từ 27/01/2025 đến 08/02/2025</i>			
6	Những con vật ngộ nghĩnh	4 tuần (Từ 10/02/2025 đến 07/03/2025)	

7	Bé vui học giao thông	4 tuần (Từ 10/03/2025 đến 04/04/2025)	
8	Thiên nhiên diệu kỳ	4 tuần (Từ 07/04/2025 đến 02/05/2025)	
9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	3 tuần (Từ 05/05/2025 đến 23/05/2025)	

ĐỘ TUỔI 4 - 5 TUỔI

I. Mục tiêu, nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng

Mục tiêu	Nội dung
MT1: Trẻ được theo dõi sức khỏe	- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần. - Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ: Cân 3 tháng 1 lần và đo chiều cao 6 tháng 1 lần. - Cân và theo dõi hàng tháng những trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân. - Theo dõi và đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.
MT2: Trẻ được tiêm chủng đầy đủ và biết cách phòng tránh các dịch bệnh theo mùa.	- Phối hợp với nhà trường, y tế địa phương đưa con đi tiêm chủng đầy đủ. - Theo dõi tình trạng sức khỏe của trẻ. - Tuyên truyền với phụ huynh về cách phòng tránh các dịch bệnh theo mùa. - Trò chuyện với trẻ về thời tiết trong ngày.
MT3: Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Trẻ biết vệ sinh trước và sau khi ăn - Trẻ được ngủ đủ giấc, khi tỉnh dậy có một tinh thần thoải mái không mệt mỏi	- Đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ được cân đối. - Nước uống đựng trong bình kín có nắp đậy sử dụng trong ngày. - Hướng dẫn trẻ rửa sạch tay trước khi ăn, xếp bát, thìa đúng nơi quy định. Uống nước, lau tay, lau miệng sau khi ăn, đi vệ sinh. - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút)
MT4: Trẻ biết cách vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.	- Chuẩn bị đồ dùng vệ sinh cá nhân: xà phòng, khăn khô để lau tay, khăn mặt có ký hiệu của trẻ, - Hướng dẫn trẻ tự lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn. - Hướng dẫn trẻ cách chải răng và kết hợp với

	gia đình để dạy trẻ, tuyên truyền cho phụ huynh không nên cho trẻ ăn quà vặt nhất là bánh kẹo. - Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, xả nước, rửa tay sau khi đi vệ sinh. - Hướng dẫn trẻ giữ gìn quần áo, giày dép sạch sẽ. - Hướng dẫn trẻ vứt rác đúng nơi quy định, không vẽ bẩn lên tường, bàn ghế.
MT5: Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thương tích thường gặp.	- Tạo môi trường an toàn cho trẻ về thể lực, sức khỏe, tâm lý và tính mạng. + Phối hợp với gia đình nhà trường chăm sóc nuôi dưỡng trẻ và phòng tránh bệnh tật. + Có chỗ để túi cứu thương của lớp riêng đảm bảo. + Không gò ép trẻ, tiếp xúc vui vẻ với trẻ, tạo không khí vui vẻ, quan tâm trẻ có nhu cầu đặc biệt. + Giám sát, bao quát trẻ chặt chẽ: không cho trẻ tiếp xúc nhận quà từ người lạ.

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục

LĨNH VỰC PT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG	
	MT6: Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp	- Động tác hô hấp: + Hít vào thật sâu, thở ra từ từ. + Hít vào thật sâu khi mở rộng lồng ngực bằng các động tác: 2 tay dang ngang, đưa tay ra phía trước lên cao. + Thở ra từ từ thu hẹp lồng ngực bằng động tác: Hai tay thả xuôi xuống, đưa tay ra trước bắt chéo trước ngực. + Hít vào, thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật (thổi lá cây, dải lụa, sợi len...) - Các động tác phát triển cơ tay và bả vai:

		+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, phía trên đầu) + Đưa 2 tay ra phía trước – sau và vỗ vào nhau. + Đưa ra trước, gập khuỷu tay + Đưa hai tay ra trước, về phía sau. + Đánh xoay tròn hai bả vai. - Các động tác phát triển cơ lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Ngồi, cúi về trước, ngửa ra sau. + Ngồi, quay người sang bên. - Các động tác phát triển cơ chân + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối. + Đứng, một chân đưa lên trước, khụy gối.. + Đứng một chân, nâng cao gập gối.
	MT7: Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động đi, chạy	- Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khệu gối, đi lùi. + Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (Đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 – 80m.
	MT8: Giữ được thăng	+ Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng

	bằng cơ thể khi thực hiện một số vận động.	trên sàn. + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Bước lùi liên tiếp khoảng 3m + Trẻ biết đi thẳng bằng trên các đồ dùng, dụng cụ...
	MT9: Trẻ biết kiểm soát được vận động đi, chạy	+ Biết đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc). + Chạy đổi hướng theo vật chuẩn hoặc hiệu lệnh. + Chạy theo đường đích dắc. + Chạy theo bóng và bắt bóng.
	MT10: Trẻ thực hiện được vận động nhanh nhẹn khéo léo khi: Bò, trườn, trèo.	+ Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 – 4m + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò đích dắc qua cổng, ống dài 1,2m x0,6m + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x30cm. + Trèo lên xuống 5 – 6 giống thang
	MT11: Trẻ biết phối hợp tay – mắt trong một số vận động.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để phát triển khả năng hợp tác và làm việc nhóm để giải quyết các kỹ năng: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Chuyển bóng qua đầu, qua chân. - Đập và bắt bóng được 4 – 5 lần liên tiếp. - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m xcao 1,2m) - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay

	MT 12: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	+ Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. + Ném trúng đích ngang (xa 2m) + Bò trong đường đích dắc (3 – 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m không chệch Ra ngoài)
	MT 13: Trẻ khéo léo thực hiện được vận động bật nhảy bằng 2 chân, chạm đất và giữ được thăng bằng theo yêu cầu kĩ năng bài tập.	+ Bật liên tục về phía trước + Bật xa 35 - 40cm + Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 35cm) + Bật tách chân khép chân qua 5 ô + Bật qua vật cản 10 - 15cm + Nhảy lò cò 3m
	MT14: Trẻ thực hiện được một số vận động phối hợp tay – mắt	- Ứng dụng phương pháp Motesseri để phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện vận động: + Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi + Cuộn- xoay tròn cổ tay + Gập, mở các ngón tay
	MT15: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động.	- Ứng dụng phương pháp Motesseri để phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện vận động: + Gập giấy. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Lắp ghép hình + Xé, cắt đường thẳng. + Tô, vẽ hình. + Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. + Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
	MT16: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm và ích lợi của chúng đối với	+ Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm trên tháp dinh

	sức khỏe	dưỡng: Thịt, cá, trứng, sữa, rau ... + Biết thịt, cá, đậu, trứng tôm có nhiều chất đạm. + Biết rau quả chín có nhiều vitamin và muối khoáng + Biết ích lợi của các thực phẩm, các món ăn đối với sức khỏe + Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.
	MT17: Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường, nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản	+ Trẻ biết một số món ăn hàng ngày ở trường, ở gia đình. + Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn (rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo.
	MT 18: Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đầy đủ chất và lượng + Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh, và chấp nhận ăn các loại thức ăn khác nhau.
	MT19: Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Ứng dụng phương pháp Montessori: thực hành các bài tập kỹ năng về cuộc sống: Tự rửa tay sạch bằng xà phòng. + Rửa sạch: Tay sạch không có mùi xà phòng. + Trẻ biết tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn.
	MT20: Trẻ biết tự phục vụ trong giờ ăn uống.	+ Các giờ ăn trong ngày - Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc cơm ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. - Tự biết xúc ăn buổi trưa, buổi chiều - Biết giữ gìn vệ sinh trong ăn, uống. - Biết phối hợp với các bạn kê bàn ăn...

	MT21: Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.	+ Biết chải tóc, vuốt tóc khi bù rối. + Vuốt lại quần áo khi xô lệch.
	MT22: Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe	+Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã.
	MT23: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	+ Mặc ấm khi trời lạnh; mặc quần áo thoáng mát khi trời nóng nực. + Biết ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách +Biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm,đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt + Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định (Đi vệ sinh trong nhà vệ sinh) + Bỏ rác đúng nơi quy định.
	MT24: Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi	+ Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.
	MT25: Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người hút thuốc hút.	+ Khi hỏi về tác hại của thuốc lá trẻ biết trả lời: Hút thuốc lá là có hại cho sức khỏe. + Tránh chỗ có người hút thuốc.
	MT26: Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. - Trẻ nhận ra bàn là, bếp	- Ứng dụng phương pháp giảng dạy Tiên tiến: Thực hành kỹ năng hợp tác nhóm để nhận biết + Nhận biết và phòng tránh những hành động

	đang đun, phích nước nóng là nơi nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
	MT27: Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	+ Không chơi ở những nơi nguy hiểm gần ao, hồ, suối, bể chứa nước. + Không chơi gần nơi có những bụi cây rậm, có gai...
	MT28: Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. + Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ, không uống rượu, bia, cà phê; không được tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
	MT29: Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến: Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã, chảy máu. + Biết gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
	MT30: Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	+ Khi gặp nguy hiểm: Bị đánh, ngã, bị thương, bị chảy máu, cháy... thì phải kêu cứu, gọi người lớn. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc; Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
II. PHÁT TRIỂN NHẬN	KHÁM PHÁ KHOA HỌC	
	MT31: Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng	+ Nhận ra sự thay đổi quá trình phát triển của cây, con vật.

THỨC	xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng	+ Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, hoa quả và các hiện tượng tự nhiên với môi trường sống.
	MT32: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng.	+ Phối hợp các giác quan như, nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. + Quan sát, nhận biết các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ .
	MT33: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- Ứng dụng hương pháp giảng dạy Stem cho trẻ: + Làm thử nghiệm pha màu vào nước, cho đường, muối vào nước. + Quan sát, dự đoán, so sánh điều gì sẽ xảy ra khi làm các thử nghiệm đó. + Khám phá khoa học về chất lỏng hòa tan và không tan trong nước.
	MT34: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	+ Xem tranh ảnh , xem sách, nhận xét và trò chuyện. - Trẻ biết “đọc”, kể truyện theo tranh 1 đến 2 có nội dung nhất định. - Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng như đóng kịch,
	MT35: Trẻ biết khám phá một số hiện tượng thời tiết theo mùa thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua phần mềm Kidsmart	- Cho trẻ Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra: + Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Gọi tên và nêu đặc điểm đặc trưng của các mùa trong năm. + So sánh được sự giống và khác nhau giữa các mùa. + Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Biết lựa chọn trang phục theo mùa cho phù hợp.

		+ Khám phá ao thiên nhiên bốn mùa trong ngôi nhà khoa học của Sammy
	MT36: Trẻ biết được sự khác nhau giữa ngày và đêm, khám phá trải nghiệm thông qua ứng dụng phần mềm của trẻ mầm non	+ Nhận biết ngày và đêm + Trẻ biết ban ngày trời sáng có ông mặt trời, mọi người đi làm, đi học; buổi tối trên trời có nhiều sao, bầu trời tối, mọi người trong gia đình xum họp sau một ngày làm việc, học tập vất vả. + Khám phá ngôi nhà không gian và thời gian của Trudy trong phần mềm Kidsmart
	MT37: Trẻ biết các nguồn nước và tác dụng của nước đối với môi trường sống.	+ Các nguồn nước trong môi trường sống + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. + Một số đặc điểm, tính chất của nước. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
	MT38: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	+ So sánh sự giống và khác nhau theo 1 -2 đặc điểm của cây/ con vật/ hoa quả. + Phân loại cây, hoa quả, con vật theo 1 – 2 dấu hiệu. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây, hoa, con vật
	MT39: Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Ứng dụng phương pháp Stem để trẻ trải nghiệm: + Làm thí nghiệm cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn. - Tìm hiểu vật nổi, vật chìm. - Tìm hiểu về nắng, gió, mưa...
	MT40: Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn	+ Sử lý tình huống trong quá trình học và chơi ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ

	giản.	chơi chạy nhanh hơn.
	MT41: Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	+ Trẻ nói được đặc điểm công dụng, chất liệu cách sử dụng các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hàng ngày. - Ứng dụng phương pháp Stem để trẻ phát triển tư duy logic khi: + So sánh sự giống và khác nhau của 2 hoặc 3 đồ dùng. + Phân loại những đồ dùng đó theo 1 – 2 dấu hiệu. + Nói được tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 – 2 dấu hiệu.
	MT42: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về các bộ phận của cơ thể con người.	+ Tìm hiểu tên gọi, chức năng, công dụng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Biết vệ sinh cơ thể sạch sẽ
KHÁM PHÁ XÃ HỘI		
	MT43: Trẻ nhận biết được về bản thân	+ Họ tên, tuổi, giới tính. + Đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân
	MT44: Trẻ có một số hiểu biết về gia đình	+ Các thành viên trong gia đình + Họ tên, công việc của bố mẹ. + Sở thích của các thành viên trong gia đình + Nhu cầu và địa chỉ gia đình.
	MT45: Trẻ có hiểu biết về trường, lớp mầm non.	+ Tên, địa chỉ của trường lớp. + Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn. + Tên, công việc của các cô bác trong trường + Các hoạt động của trẻ ở trường
	MT46: Trẻ biết được một số danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	+ Tìm hiểu những ngày lễ hội, sự kiện văn hóa địa phương (tết trung thu, tết nguyên đán, 1- 6 , 20/11, 20/10, 8/3, 22/12 ...)

		+ Tìm hiểu một số danh lam thắng cảnh ở địa phương; thủ đô Hà Nội.
	MT47: Trẻ kể được một số nghề phổ biến	+ Kể tên một số nghề phổ biến: nghề bộ đội, giáo viên, bác sĩ, xây dựng... + Công cụ và sản phẩm của một số nghề
	MT48: Trẻ kể được một số nghề truyền thống của địa phương	+ Kể tên một số nghề truyền thống: Nghề nuôi hải sản; nghề đánh bắt hải sản; chế biến hải sản thành nước mắm; nghề làm gốm sứ... + Công cụ và sản phẩm của một số nghề.
LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN		
	MT49: Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh hỏi “ bao nhiêu” ; “ là số mấy”	- Đếm các vật xung quanh - Đếm các đồ dùng, đồ chơi trong lớp. - Đếm số lượng bạn trong lớp. “bao nhiêu bạn” - Tự chọn số lượng tương ứng theo khả năng. - Trải nghiệm các chữ số, số lượng trong phần trò chơi kisdmart...
	MT50: Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	+ Nhận biết được các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
	MT51: Trẻ biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	- Ứng dụng phương pháp trải nghiệm giúp trẻ hợp tác, làm việc nhóm để: + Biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 5. + Đọc được các chữ số từ 1 – 5 + Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã đếm được. + Biết các chữ số từ 1 – 5 và ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
	MT52: Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác	+ So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.

	nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	
	MT53: Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	+ Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.
	MT54: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	+ Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.
	MT55: Trẻ biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	+ Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số biển xe, ..
	MT 56: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ hợp tác, làm việc nhóm để: + Trẻ ghép được thành cặp những đối tượng có mối liên quan. + Nhận biết và gọi tên được một số quy tắc sắp xếp đơn giản với 3 đối tượng trong 1 chu kỳ. + Sắp xếp thành thạo theo mẫu hoặc theo yêu cầu của cô. + So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. + Trẻ biết tạo ra quy tắc sắp xếp theo ý của trẻ.
	MT57: Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	+ Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. + Đo dung tích 2 vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
	MT58: Trẻ chỉ ra được các điểm giống nhau, khác nhau giữa hai hình.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
	MT59: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để	+ Chắp ghép các hình, hình học để tạo thành các hình mới theo ý nghĩa và theo yêu cầu.

	tạo ra các hình đơn giản.	
	MT60: Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	+ Xác định vị đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái)
	MT61: Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ hợp tác, làm việc nhóm, tìm tòi khám phá : + Nhận biết các buổi sáng trưa, chiều tối. + Trẻ hiểu được thời gian của một ngày. + Nói được tên các buổi trong ngày theo thứ tự. (VD: Buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối) + Nói được trong ngày thời gian nào đi học, thời gian nào nghỉ ngơi...
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE	
	MT62: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	+ Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2 – 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày + Nghe và thực hiện theo quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (Giờ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe) + Khi đến lớp giáo viên yêu cầu trẻ thực hiện theo chỉ dẫn và trẻ thực hiện được (VD: Cất ba lô, cất giày dép...)
	MT63: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ.	- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật.... - Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ... + Hiểu các từ chỉ đặc điểm tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. + Hiểu các từ khái quát chỉ tên gọi, đặc điểm, tính chất, công dụng, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc và các từ biểu cảm.

	MT64: Hiểu một số từ trái nghĩa chỉ hành động, hiện tượng ...	- Nhận biết được một số từ trái nghĩa hiền lành – độc ác, nóng – lạnh...
	MT 65: Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	+ Hiểu được những lời nói, chỉ dẫn của giáo viên. + Nghe và trao đổi, thỏa thuận với bạn khi học và chơi. + Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
	MT 66: Trẻ biết chú ý lắng nghe, không ngắt lời, chờ đến lượt mình	+ Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói, không ngắt lời, chờ đến lượt mình + Trả lời câu hỏi và đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh như dấu hiệu của sự hiểu biết. + Trẻ có thể lắng nghe người khác kể chuyện một cách chăm chú và yên lặng trong một khoảng thời gian. Biểu lộ tình cảm: vui, buồn, sợ hãi , lo lắng...)
	MT67: Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao, ca dao, phù hợp với độ tuổi.	+ Nghe và cảm nhận được các vần điệu, nhịp điệu của bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi, phù hợp với chủ đề. + Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. + Trẻ kể lại được những truyện đồng thoại, ngụ ngôn ngắn đơn giản. + Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết về nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao... qua khả năng phản ứng phù hợp với các câu hỏi của giáo viên, qua các hoạt động vẽ, đóng kịch, hát, vận động, kể lại truyện...
PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI		
	MT68: Trẻ biết nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.	+ Trẻ biết phát âm đúng và rõ ràng. + Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.

		+ Trả lời được theo ý của câu hỏi. + Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình. + Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được. + Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. + Phát triển ở trẻ khả năng sử dụng ngôn ngữ trong cuộc sống hàng ngày
	MT69: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất, đặc điểm	Ứng dụng phương pháp Montessori để phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ: + Biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn và câu ghép
	MT70: Trẻ biết sử dụng một số từ đơn giản bằng tiếng anh trong giao tiếp.	+ Dùng một số từ chào hỏi đơn giản hàng ngày như Hello, Goodbye, Thank you, Sorry.... để giao tiếp với cô giáo và các bạn trong các tình huống hợp lý
	MT71: Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.	- Trẻ miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định + Kể lại truyện đã được nghe đầy đủ tình tiết, sự việc theo trình tự logic nhất định. + Kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy.
	MT72: Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
LÀM QUEN VỚI ĐỌC, VIẾT		
	MT73: Trẻ biết kể chuyện sáng tạo, có thể đặt tên nhân vật trong câu chuyện bằng Tiếng Anh	- Kể truyện theo tranh, về đồ vật yêu thích,... - Kể tiếp và kết thúc truyện. - Kể theo đồ chơi... - Kể chuyện theo kinh nghiệm, đặt tên nhân vật

MT74: Trẻ biết kể chuyện có mở đầu và kết thúc.	+ Kể lại chuyện đã được nghe + Biết kể lại sự việc có nhiều tình tiết...
MT75: Trẻ có thể bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để phát triển khả năng tưởng tượng, sáng tạo của trẻ khi : + Kể lại chuyện, bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. + Nghe, sử dụng các từ biểu cảm + Đóng kịch.
MT76: Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	+ Biết sử dụng các từ trong giao tiếp (cảm ơn, xin lỗi, mời cô) + Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
MT77: Trẻ biết điều chỉnh với giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	+ Điều chỉnh được giọng nói phù hợp với hoàn cảnh. + Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
MT78: Trẻ biết chọn sách để xem	+ Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau + Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt + Phân biệt được phần mở đầu, kết thúc của sách. + Giữ gìn và bảo vệ sách.
MT79: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	+ Đọc truyện qua tranh vẽ. + Kể chuyện sáng tạo.
MT80: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh.	+ Đọc sách theo tranh minh họa (đọc vệt) + Trẻ xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Phân biệt được phần mở đầu, phần kết thúc của sách. Đọc chuyện qua các tranh vẽ. + Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh “ Đọc” sách theo tranh minh họa.

		+ Biết nhặt sách dưới sàn, đặt lên giá đúng chiều.
	MT81: Trẻ nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống bằng tiếng Việt và tiếng Anh	+ Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh
	MT82: Trẻ có biểu tượng ban đầu về ký hiệu/ chữ cái/ chữ viết	- Nhận dạng một số chữ cái - Tập tô, đồ các nét chữ
	MT83: Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Làm quen với cách viết tiếng Việt (hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) - Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái
	MT84: Trẻ có hành vi giữ gìn bảo vệ sách.	+ Giữ gìn bảo vệ sách. + Để sách đúng nơi quy định. + Có thái độ tốt với sách (Buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách)
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI	PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM	
	MT85: Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	+ Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên, tuổi bố, mẹ. + Trò chuyện, đàm thoại, giới thiệu về mình, về gia đình...
	MT 86: Trẻ nói được điều trẻ thích, không thích, những việc gì trẻ có thể làm được.	+ Nói được sở thích, khả năng của bản thân + Tìm hiểu về sở thích, khả năng của bản thân, của bạn.
	MT87: Trẻ biết chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	+ Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. + Tự chọn các trò chơi, vật liệu chơi, màu vẽ, giấy vẽ, sách... + Chơi các trò chơi, các tình huống để trẻ trải nghiệm khám phá về bản thân, về các bạn (cân, đo, so sánh cân nặng, chiều cao của mình, của bạn...)
	MT88: Trẻ cố gắng hoàn	+ Thực hiện được công việc được giao (trực

thành công việc được giao	nhật, dọn đồ chơi...)
MT 89: Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc ” vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ” của mình và người khác qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ qua tiếp xúc trực tiếp giọng nói, tranh ảnh....
MT 90: Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc .	Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: vui buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ... qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. + Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình,...
MT 91: Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	+ Trẻ nhận ra hình ảnh của Bác Hồ, lăng bác Hồ qua tranh ảnh và một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác.
MT 92: Trẻ biết thể hiện tình cảm của Bác Hồ qua hát, kể chuyện về Bác Hồ.	+ Kính yêu Bác Hồ. + Nhận biết và thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua xem tranh ảnh, hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
MT 93: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước.	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước. Biết được các ngày tết theo phong tục của địa phương: Tết đoàn tụ 5/5; Rằm tháng 7. - Biết nơi tưởng niệm Bác dừng chân khi về thăm Quảng Ninh.
MT 94: Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc.	+ Cách chăm sóc cây cối con vật: tham gia tưới cây, nhổ cỏ, chơi đùa với con vật gần gũi, quen thuộc, cho con vật ăn. + Thái độ, lời nói của bé khi thấy con vật bị đau, cây cối bị gãy
MT 95 : Trẻ tự giác thực hiện một số công việc ở	+ Vâng lời ông bà, bố mẹ.

lớp, gia đình và nơi công cộng.	+ Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ. + Trật tự khi ăn, khi ngủ. + Đi bên phải lề đường. + Không bẻ cành, ngắt hoa. + Bỏ rác đúng nơi qui định.
MT 96: Trẻ biết hòa đồng với bạn bè trong nhóm.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, biết chia sẻ, nhường nhịn quan tâm đến sự công bằng trong nhóm chơi; + Hòa đồng vào hoạt động chung cùng nhóm bạn. + Chơi thân thiện với bạn. + Trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật).
MT 97: Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	+ Yêu mến, quan tâm giúp đỡ người thân trong gia đình. + Quan tâm, giúp đỡ bạn.
PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI	
MT 98: Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	+ Tuân theo trật tự, chờ đến lượt khi được nhắc nhở. + Biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT 99: Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.	+ Tập trung chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói - Chờ đến lượt, hợp tác
MT 100: Trẻ có thể thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	+ Trẻ thực hiện những việc đơn giản cùng các bạn khi được nhắc nhở. + Phối hợp với các bạn khi thực hiện nhiệm vụ, không xảy ra mâu thuẫn.
MT 101: Trẻ biết làm một số công việc đơn	- Ứng dụng phương pháp Montessori để phát triển kỹ năng cá nhân, sự độc lập như :

	giảm giúp người lớn.	+ Gấp quần, áo; kê bàn ghế; lấy gỗ, mặc áo, cài khuy, kéo khóa, , chăm sóc nhà cửa, chăm sóc cây cối, chăm sóc con vật nuôi, quét nhà, nhặt rau,..
	MT 102: Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn	+ Thực hiện các qui tắc trong sinh hoạt hàng ngày: + Chào hỏi, xưng hô, cảm ơn, xin lỗi lễ phép với người lớn
	MT 103: Trẻ nhận biết được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.	+ Nhận ra 3 - 4 hành vi đúng, sai đối với môi trường. + Phân biệt hành vi "đúng" - "sai"; "tốt" - "xấu".
	MT 104: Trẻ thực hiện được một số hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	Thể hiện các hành vi đúng đối với môi trường xung quanh trong sinh hoạt hàng ngày: + Cát đồ chơi vào nơi qui định sau khi chơi + Bỏ rác đúng nơi qui định. + Không bẻ cành, ngắt hoa. + Tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. + Không để tràn nước khi rửa tay
V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
	MT 105: Trẻ có khả năng cảm nhận được vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống.	+ Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống. + Lắng nghe các âm thanh trong thiên nhiên, trong cuộc sống. + Bắt chước một số âm thanh quen thuộc.
	MT 106: Trẻ biết tô màu, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ	+ Cầm bút đúng cách. + Tô màu không chòem ra ngoài nét vẽ.
	MT 107: Trẻ có khả năng cắt, xé giấy theo đường thẳng.	+ Cầm kéo đúng cách. + Cắt, xé thành thạo theo đường thẳng của giấy. + Cắt không làm rách giấy.

MT 108: Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước.	+ Bôi hồ đều. + Các chi tiết không bị chồng lên nhau. + Dán hình vào đúng vị trí.
MT 109: Trẻ biết vẽ một số hình đơn giản	+ Vẽ hình người, nhà, cây...
MT 110: Trẻ có khả năng sáng tạo trong hoạt động tạo hình	+ Tự chọn nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích
MT 111: Trẻ biết nhận xét sản phẩm của mình, của bạn	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dạng/đường nét...
MT 112: Trẻ cảm nhận được vẻ đẹp trong các sản phẩm tạo hình	+ Ngắm nhìn các bức tranh, ảnh, đồ dùng, đồ chơi với chất liệu khác nhau. + Biết đưa ra nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục.
MT 113: Trẻ có thể sử dụng được các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ phát triển khả năng sáng tạo ra các sản phẩm theo ý thích từ các nguyên vật liệu khác nhau: + Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. + Biết thể hiện xen kẽ màu, hình trong trang trí đơn giản. + Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. + Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. + Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn sản phẩm có nhiều chi tiết. + Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau.
MT 114: Trẻ thể hiện sự	+ Nhận ra được cái đẹp.

	thích thú trước cái đẹp.	+ Thể hiện sự thích thú: reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm nghía trước cái đẹp. + Vui sướng vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi được nghe các âm thanh và ngắm nhìn sự vật, hiện tượng.
	MT 115: Trẻ hào hứng tham gia vào các hoạt động tạo hình.	+ Thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ, và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về các tác phẩm tạo hình.
	MT 116: Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	+ Đặt tên cho sản phẩm. + Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích + Trả lời được câu hỏi làm cái gì? + Tại sao lại làm như thế?
	MT 117: Trẻ biết giữ gìn sản phẩm của mình và của bạn, biết đặt tên cho sản phẩm của mình và của bạn	+ Giữ gìn sản phẩm chung của mình và của bạn + Đặt tên cho sản phẩm của mình và của bạn
	MT 118: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời, và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. + Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc (Tán thưởng, bắt chước âm thanh, sử dụng các từ gợi cảm...) nói lên cảm xúc của mình.
	MT 119: Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa minh họa).	+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
	MT 120: Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản	Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ phát triển khả năng sáng tạo tự nghĩ ra các hình thức vận động phù hợp

	nhạc.	+ Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
	MT 121: Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu và tiết tấu bài hát.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
	MT 122: Trẻ cảm nhận được giai điệu (vui nhộn, êm dịu, buồn...) của bài hát hoặc bản nhạc.	+ Nghe các bài hát, bản nhạc, có tiết tấu, giai điệu, tính chất khác nhau + Phân biệt các bài hát, bản nhạc theo tính chất, giai điệu (vui, buồn, nhanh, chậm...)
	MT 123: Trẻ thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	+ Nhận ra được cái đẹp. + Thể hiện sự thích thú: reo hò, khen ngợi, xuýt xoa, ngắm nghía trước cái đẹp + Vui sướng vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi được nghe các âm thanh và ngắm nhìn sự vật, hiện tượng.
	MT 124: Trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động âm nhạc.	+ Tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT chủ đề	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề	Điều chỉnh
1	Trường mầm non	4 tuần (Từ 05/09/2024 đến 04/10/2024)	
2	Bản thân	4 tuần (Từ 07/10/2024 đến 01/11/2024)	
3	Gia đình của bé	4 tuần (Từ 04/11/2024 đến 29/11/2024)	
4	Những nghề bé biết	4 tuần (Từ 02/12/2024 đến 27/12/2024)	
5	Những loài cây thú vị quanh bé	4 tuần (Từ 30/12/2024 đến 24/01/2025)	
<i>Nghỉ tết Nguyên Đán từ 27/01/2025 đến 08/02/2025</i>			
6	Những con vật ngộ nghĩnh	4 tuần (Từ 10/02/2025 đến 07/03/2025)	

7	Bé vui học giao thông	4 tuần (Từ 10/03/2025 đến 28/03/2025)	
8	Thiên nhiên diệu kỳ	3 tuần (Từ 07/04/2025 đến 25/04/2025)	
9	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	4 tuần (Từ 28/04/2025 đến 23/05/2025)	

ĐỘ TUỔI 5 - 6 TUỔI

I. Mục tiêu, nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng

Mục tiêu	Nội dung
MT1- Trẻ được theo dõi sức khỏe	- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần. - Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ: Cân 3 tháng 1 lần và đo chiều cao 6 tháng 1 lần. - Cân và theo dõi hàng tháng những trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân. - Theo dõi và đánh giá sự phát triển thể lực của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.
MT2- Trẻ được tiêm chủng đầy đủ và biết cách phòng tránh các dịch bệnh theo mùa.	- Phối hợp với nhà trường, y tế địa phương đưa con đi tiêm chủng đầy đủ. - Theo dõi tình trạng sức khỏe của trẻ. - Tuyên truyền với phụ huynh về cách phòng tránh các dịch bệnh theo mùa. - Trò chuyện với trẻ về thời tiết trong ngày.
MT3- Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi - Trẻ biết vệ sinh trước và sau khi ăn - Trẻ được ngủ đủ giấc, khi tỉnh dậy có một tinh thần thoải mái không mệt mỏi	- Đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ được cân đối. - Nước uống đựng trong bình kín có nắp đậy sử dụng trong ngày. - Hướng dẫn trẻ rửa sạch tay trước khi ăn, xếp bát, thìa đúng nơi quy định. Uống nước, lau tay, lau miệng sau khi ăn, đi vệ sinh. - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa

	(khoảng 150 phút)
MT4- Trẻ biết cách vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.	- Chuẩn bị đồ dùng vệ sinh cá nhân: xà phòng, khăn khô để lau tay, khăn mặt có ký hiệu của trẻ, - Hướng dẫn trẻ tự lau mặt sạch sẽ trước và sau khi ăn. - Hướng dẫn trẻ cách chải răng và kết hợp với gia đình để dạy trẻ, tuyên truyền cho phụ huynh không nên cho trẻ ăn quà vặt nhất là bánh kẹo. - Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, xả nước, rửa tay sau khi đi vệ sinh. - Hướng dẫn trẻ giữ gìn quần áo, giày dép sạch sẽ. - Hướng dẫn trẻ vứt rác đúng nơi quy định, không vẽ bẩn lên tường, bàn ghế.
MT5- Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thương tích thường gặp.	- Tạo môi trường an toàn cho trẻ về thể lực, sức khỏe, tâm lý và tính mạng. + Phối hợp với gia đình nhà trường chăm sóc nuôi dưỡng trẻ và phòng tránh bệnh tật. + Có chỗ để túi cứu thương của lớp riêng đảm bảo. + Không gò ép trẻ, tiếp xúc vui vẻ với trẻ, tạo không khí vui vẻ, quan tâm trẻ có nhu cầu đặc biệt. + Giám sát, bao quát trẻ chặt chẽ: không cho trẻ tiếp xúc nhận quà từ người lạ.

II. Mục tiêu, nội dung giáo dục

LĨNH VỰC PT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT	PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG	
	MT6- Trẻ thực hiện đúng,	- <i>Động tác phát triển hô hấp:</i>

TRIỂN THỂ CHẤT	thuần thực các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp/ bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	+ Hít vào thở ra. - <i>Động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai:</i> + Đưa tay ra phía trước, sau. + Đưa tay ra trước, sang ngang. + Đánh xoay tròn 2 cánh tay. + Đánh chéo 2 tay ra 2 phía trước, sau. + Luân phiên từng tay đưa lên cao. - <i>Động tác phát triển cơ bụng, lưng:</i> + Đứng, cúi về trước. + Đứng quay người sang 2 bên. + Nghiêng người sang 2 bên. + Cúi về trước ngửa ra sau. + Quay người sang 2 bên. - <i>Động tác phát triển cơ chân:</i> + Khụy gối. + Bật đưa chân sang ngang. + Đưa chân ra các phía. + Nâng cao chân gập gối. + Bật về các phía.
	MT7- Trẻ thực hiện đúng, thuần thực các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp:	- Các động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. - Các động tác phát triển cơ tay: + Đưa tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng

		chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Các động tác phát triển cơ bụng, lưng: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Các động tác phát triển cơ chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang ; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về phía sau.
	MT8- Trẻ biết đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m).	- Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). - Đi trên dây (dây đặt trên sàn);
	MT9- Trẻ biết giữ thăng bằng khi đi lên, xuống ván kê dốc(2m x 0,3 m)	- Đi trên ván kê dốc; đi lên, xuống ván kê dốc (2m x 0,3m)
	MT10- Trẻ có thể: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.	- Chạy chậm 150 m; Chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh.
	MT11- Trẻ có thể: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 -7s.	- Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây.
	MT12- Trẻ biết bò qua 5,7 điểm đích dắc cách nhau 1,5 m đúng yêu cầu.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m; Bò đích dắc qua 7 điểm; Bò chui qua cổng/ ống dài 1,5m x 0,6m.

	MT13- Trẻ thực hiện được động tác: Trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm. - Trèo lên xuống 7 giống thang; Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. - Trèo lên xuống ghế cao 35cm (Ghế của trẻ)
	MT14- Trẻ thực hiện được động tác tung bắt bóng	- Tung bóng lên cao vào bắt bóng ; Tung, đập bắt bóng tại chỗ.
	MT15- Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để phát triển khả năng hợp tác và làm việc nhóm để giải quyết các kỹ năng: Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m; Ném-bắt bóng với người khác
	MT16- Trẻ biết ném trúng đích thẳng đứng.	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay; Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay, 2 tay;
	MT17- Trẻ biết đập và bắt bóng bằng 2 tay.	- Ứng dụng phương pháp Motesseri để phát triển kỹ năng cá nhân khi thực hiện vận động: + Đập và bắt bóng bằng 2 tay; Đi và đập bắt bóng bằng 2 tay.
	MT18- Trẻ biết chuyền bóng qua đầu, qua chân	- Chuyền bóng qua đầu, qua chân, Lăn bóng và di chuyển theo bóng
	MT19- Trẻ biết bật xa tối thiểu 50cm.	- Bật xa 50cm ; bật bằng hai chân.
	MT20- Trẻ thực hiện được động tác bật	- Bật liên tục vào 5- 7 vòng ; Bật tách khớp chân qua 7 ô; Bật qua vật cản 15-20cm;
	MT21- Trẻ biết nhảy xuống từ độ cao 40 cm.	- Nhảy từ trên cao xuống (40-45cm) ;
	MT22- Trẻ nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân	- Nhảy lò cò 5m; Nhảy lò cò 5 - 7

	theo yêu cầu.	bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
	MT23- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.	- Cầm kéo bằng 3 ngón tay, cắt được hình không bị rách, đường cắt sát theo đường nét vẽ. - Cắt, xé đường vòng cung.
	MT24- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhầm.	- Bôi hồ mịn, dán các hình học, con vật, thực vật,... vào đúng vị trí cho trước không bị nhầm.
	MT25- Trẻ biết tự mặc và cởi được áo.	- Ứng dụng phương pháp giảng dạy Montessori để phát triển kỹ năng cá nhân, sự độc lập của trẻ như : + Cài, cởi cúc, khéo khoá (phéch mở tuya), khâu, luồn, buộc giây. + Mặc các loại áo chui đầu, đóng cúc áo sao cho hai vạt áo bằng nhau.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
	MT26- Trẻ biết thực phẩm giàu chất đạm, vitamin và muối khoáng...	- Nhận biết một số loại thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm
	MT27- Trẻ kể được tên 1 số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Nhận biết các món ăn thông thường trẻ thường ăn. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất; - Kể tên các món ăn phù hợp với từng mùa. - <i>Nhận biết các món ăn đặc sản của địa phương</i> - Ứng dụng phương pháp Montessori: Cho trẻ thực hành các thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
	MT28- Biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. Biết và không ăn,

	cho cơ thể.	uống một số thức ăn có hại cho cơ thể.
	MT29- Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	- Nhận biết một số hành động văn minh, lịch sự biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.
	MT30- Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm như ao, hồ, sông, suối, ổ điện, khu vực bếp ga.... những nơi không an toàn, phân biệt được nơi bẩn, sạch và mất vệ sinh như khu rác thải... chơi ở nơi sạch và an toàn.
	MT31- Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như sử dụng những vật sắc nhọn đánh nhau, cào, cắn bạn.... , những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như dao, kéo; những mảnh cốc thủy tinh , mảnh gương bị vỡ....
	MT32- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.	- Tìm hiểu một số việc có thể gây nguy hiểm đến trẻ. - Biết một số việc làm có thể gây nguy hiểm như đánh nhau, tắm sông, hồ, cắm ổ điện, sờ vào đường dây điện, chơi gần khu vực bếp ga, nghịch dao, kéo... và không làm những việc gây nguy hiểm đó.
	MT33- Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Nhận biết hút thuốc lá có hại cho sức khỏe và không lại gần những người đang hút thuốc lá. - Biết bày tỏ thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá.
	MT34- Trẻ không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.	- Ứng dụng phương pháp giảng dạy Tiên tiến: Thực hành kỹ năng học tác nhóm để nhận biết một số hành động của người lạ, không nhận quà khi chưa được người thân cho phép. Nếu bị lạc phải biết tìm những cô

		chú mặc quần áo đồng phục như bảo vệ, công an, cảnh sát..để thông báo trên loa, hoặc gọi điện cho bố mẹ, không đi theo người lạ.
	MT35- Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến: Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp như cháy nổ, tai nạn...và gọi người đến giúp đỡ. Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.
	MT36- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...	- Nhận biết 1 số biểu hiện khi bị đau, ốm sốt và các hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	KHÁM PHÁ KHOA HỌC	
	MT37- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về các giác quan và một số bộ phận cơ thể con người.	- Nhận biết chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể như răng, miệng, bộ não, tim, gan, dạ dày... và học một số cách đơn giản bảo vệ chúng
	MT38- Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng, biết ứng dụng phần mềm Kidsmart phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy	- Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày. - Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng, chất liệu của 3 hoặc 4 đồ dùng - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên theo công dụng hoặc chất liệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Sử dụng thành thạo một số kỹ năng

		đơn giản trên máy tính để khám phá, phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy
	MT39- Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.
	MT40- Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.	- Quan sát vườn cây; vườn hoa; vườn rau, công viên; Quan sát, gọi tên ,so sánh một số loại cây; hoa; rau; quả... - Khám phá động vật theo một trong các nhóm: Bò sát, cá, chim, lưỡng cư, thú, côn trùng - Động vật cần gì để sống ? - Điều gì xảy ra nếu không thỏa mãn nhu cầu cơ bản thông qua câu hỏi này trẻ nhận ra: Đặc điểm, vòng đời, thức ăn ảnh hưởng tới sinh tồn của của động vật - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.
	MT41- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối và con vật và một số hiện tượng tự nhiên.	- Ứng dụng phương pháp giảng dạy Stem : Cho trẻ thử nghiệm gieo hạt; Quan sát, theo dõi sự lớn lên của cây; Cùng cô trồng vườn, gieo hạt, tưới cây, nhổ cỏ... + Quan sát, phỏng đoán, suy luận một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với môi trường sống, vận động và cách kiếm ăn của các con vật; Quan sát sự lớn lên của một số con vật qua video, mạng internet, tranh ảnh.... + Quan sát, thảo luận, nhận xét các hiện tượng thời tiết: mưa, nắng, gió, bão...theo mùa. Quan sát bầu trời, mặt trời, mặt trăng và thảo luận.

		+ Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
	MT42- Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống.	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Thứ tự các mùa trong năm và các hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa
	MT43- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến cho trẻ Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra + Nêu được một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán...) + Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa
	MT44- Trẻ hay đặt câu hỏi.	- Trẻ hay đặt câu hỏi: "Tại sao?", "Như thế nào?" "Vì sao?"....để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin - Hay phát biểu khi học - Ứng dụng phương pháp Stem để trẻ tìm ra nguyên lý hoạt động của các bộ đồ chơi Robot thông minh Cubelets
	MT45- Trẻ biết một số đặc điểm, tính chất của nước	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Ứng dụng phương pháp Stem để tìm ra một số đặc điểm, tính chất của nước, thí nghiệm vật chìm nổi - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
	MT46- Trẻ có hiểu biết về không khí, ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để phát triển khả năng tưởng tượng sáng tạo của trẻ, giải quyết các vấn

	đề: + Con người cần có ô xy để thở + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT47- Trẻ có hiểu biết về đất, đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN	
MT48- Trẻ biết các con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10; Đếm đến 10, đếm theo khả năng, đếm đúng trên đồ vật, đếm theo nhóm khác nhau, đếm theo các nhóm khác nhau, đếm theo các hướng , đếm các đối tượng không xếp thành hàng, thành dãy... biết chữ số trong phạm vi 10;
MT49- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, 113,114,115)
MT50- Trẻ biết gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
MT51- Trẻ biết so sánh và sắp xếp theo quy tắc	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
MT52- Trẻ biết tạo ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.	- Ứng dụng phương pháp Stem để trẻ phát triển tư duy logic khi sắp xếp tạo ra quy tắc.
MT53- Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo nào đó. So sánh và diễn đạt kết

		quả đo
	MT54- Trẻ biết đo thể tích và nói kết quả đo	- Trẻ biết cách đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
	MT55- Trẻ chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu. Ứng dụng phần mềm Kidsmart để nhận biết phân biệt các khối	- Nhận biết, phân biệt khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế. - Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc / kích thước khác nhau khi nghe gọi tên. - Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình học theo yêu cầu. - Xác định và chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo mẫu thiết kế tại ngôi nhà Chuột trong ngôi nhà toán học của Mille
	MT56- Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.	- Nói được vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác trong không gian. - Sắp xếp vị trí của vật theo yêu cầu - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
	MT57- Trẻ phân biệt được ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ hợp tác, làm việc nhóm, tìm tòi khám phá Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày trẻ được đến lớp, đi chơi, du lịch.... - Công việc của ngày hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai.
	MT58- Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.	- Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự và sắp xếp các ngày theo

		yêu cầu của cô
	MT59- Trẻ nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ.	- Tìm hiểu các ngày trong tuần; Xem lịch nhận biết các ngày trong tuần; Nhận biết giờ trên đồng hồ.
KHÁM PHÁ XÃ HỘI		
	MT60- Trẻ biết về bản thân, gia đình	- Nói được họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). nhu cầu gia đình. Địa chỉ gia đình.
	MT60a- Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân	- Nêu ý kiến cá nhân trong việc lựa chọn các trò chơi, đồ chơi và các hoạt động khác theo sở thích của bản thân, ví dụ: chúng mình chơi trò chơi xếp hình trước nhé, tôi sẽ trò chơi bán hàng, chúng ta cùng vẽ một bức tranh nhé... - Cố gắng thuyết phục bạn để những đề xuất của mình được thực hiện
	MT61- Trẻ biết về trường mầm non	- Trẻ biết được những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô các bác trong trường. - Đặc điểm sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
	MT62- Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh.	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới, thể hiện ý thích khám phá của riêng mình như ; thích búp bê, ô tô...) - Hay hỏi về những thay đổi xung quanh.

	MT63- Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân – kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.	- Trẻ giải thích được câu hỏi bằng mẫu câu: "Tại vì.....nên..." nêu được nguyên nhân dẫn đến sự việc. - Ứng dụng phương pháp Stem để trẻ được thí nghiệm, thực nghiệm về sự vật hiện tượng xung quanh như; vật chìm nổi, sự luân chuyển của nước, không khí...
	MT64- Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	- Trẻ trả lời được câu hỏi của người lớn về một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. VD: Trường Tiểu học, Trường Trung học.....
	MT65- Trẻ có thể kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	- Trẻ kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống, sản phẩm của nghề, các hoạt động và ý nghĩa các nghề phổ biến, nghề truyền thống ở địa phương
	MT66- Trẻ biết danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - Biết cảnh đẹp và ngày lễ của Chùa Hồ Thiên; Chùa Ngọa Vân; Đền An Sinh; Chùa Quỳnh Lâm
	MT67- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của lễ hội đó.	- Kể tên một số lễ hội đầu xuân, lễ hội nhà trường tổ chức và nêu đặc điểm nổi bật của ngày lễ, hội. Kể tên một số sự kiện văn hóa của địa phương, quê hương đất nước
	MT68- Trẻ hiểu biết về tên gọi, một số thông tin về biển đảo Việt Nam	- Trẻ kể tên một số đảo lớn nhỏ của Việt Nam (Trường Sa, Hoàng Sa, Côn Đảo, Vân Đồn, Phú Quốc...) - Trẻ biết một số thông tin cần thiết về biển đảo Việt Nam
	PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE	
	MT69- Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. Có	- Hiểu và nói được các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi sau khi được xem

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	thể sử dụng kết hợp song ngữ Anh – Việt tìm hiểu một số từ đơn giản chỉ đồ vật, hiện tượng gần gũi	tranh, vật thật, mô hình... - Giải nghĩa được một số từ với sự giúp đỡ của người khác. - Hiểu một số từ tiếng Anh đơn giản gần gũi chỉ sự vật, hiện tượng, con vật...
	MT70- Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2- 3 hành động.	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Hiểu và thực hiện được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...)
	MT71- Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi của người khác và biết sử dụng sắc thái đó vào lời nói của bản thân. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện.
	MT72- Trẻ nghe hiểu nội dung truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi và kể lại được những truyện đồng thoại, ngụ ngôn (truyện cười) ngắn, đơn giản - Trẻ nói được chủ đề và giá trị đạo đức của truyện và tính cách nhân vật trong truyện khi được nghe câu chuyện mới

		- Thể hiện sự hiểu biết khi nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, câu đố, hò vè... bằng cách trả lời rõ ràng các câu hỏi liên quan đến nội dung bài đã nghe và có thể vẽ, đóng kịch, hát, vận động, kể lại chuyện theo đúng trình tự....
	MT73- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.	- Trẻ cảm nhận vần điệu, nhịp điệu khác nhau của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi (vui tươi, nhí nhảnh, nhanh, chậm,...)
PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI		
	MT74- Trẻ biết nói rõ ràng.	- Phát âm đúng và rõ ràng - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Diễn đạt được ý tưởng, trả lời được theo ý của câu hỏi - Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình - Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được
	MT75- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày. Biết sử dụng một số từ song ngữ Anh – việt đơn giản trong giao tiếp hàng ngày	- Sử dụng các từ loại: danh từ, tính từ, động từ, trạng từ....chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hằng ngày; - Biết chào hỏi, cảm ơn, tạm biệt, tên gọi một số loại quả, con vật gần gũi bằng tiếng anh trong giao tiếp hàng ngày
	MT76- Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp	- Chăm chú nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ điệu bộ, nét mặt.

		- Lắng nghe người kể một cách chăm chú, phản ứng lại bằng những hành động thân thiện. Giơ tay khi muốn nói
	MT77- Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.	- Diễn đạt được mong muốn, nhu cầu và suy nghĩ bằng nhiều loại câu như câu cảm thán, câu trần thuật, câu nghi vấn (câu hỏi), câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh....trong giao tiếp hằng ngày. - Sử dụng những từ thông dụng và các loại câu đơn, câu mở rộng để diễn đạt ý.
	MT78- Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Sử dụng ngôn ngữ tự diễn đạt cảm xúc của bản thân.
	MT79- Trẻ biết trả lời và đặt câu hỏi.	- Trẻ biết trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”; “Có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?”. - Trẻ đặt câu hỏi: “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”.
	MT80- Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.	- Sử dụng lời nói để trao đổi những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống và chỉ dẫn bạn bè trong các hoạt động.
	MT81- Trẻ biết sử dụng các từ: chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người. (Tạm biệt, xin chào...)
	MT82- Không nói tục, chửi bậy.	- Chú ý những hành vi văn hóa trong giao tiếp không nói tục, chửi bậy
	MT83- Biết cách khởi xướng	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với

	cuộc trò chuyện	mọi người - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau - Sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập mối quan hệ và hợp tác với bạn bè.
	MT84- Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh....
	MT85- Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.	- Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định - Trẻ hiểu được các yếu tố của một câu chuyện như các nhân vật, thời gian, địa điểm, phần kết và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc chuyện đó. - Thích thú sáng tạo truyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.
	MT86- Trẻ biết kể chuyện theo tranh..	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để phát triển khả năng tưởng tượng, sáng tạo của trẻ khi nhìn vào tranh vẽ, trẻ có thể nói nội dung mà tranh minh họa + Nói được thứ tự của sự việc từ truyện tranh
	MT87- Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau.	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
	MT88- Trẻ thích đóng vai các	- Đóng được vai của các nhân vật

	nhân vật trong truyện.	trong truyện và trẻ thích nhập vai nhân vật
	LÀM QUEN VỚI ĐỌC, VIẾT	
	MT89 -Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông....) - Nhận biết các nhãn hàng hóa.
	MT90 - Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hàng ngày. - Biết rằng mỗi chữ cái đều có tên, hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.
	MT91 - Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.	- Nhận dạng được các chữ cái và phát âm được các âm đó. - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói. - Trẻ hiểu rằng chữ viết có ý nghĩa và con người dùng chữ viết với nhiều mục đích khác nhau
	MT92 - Trẻ biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. Trẻ biết dùng, tạo ra và sao chép các ký hiệu, biểu tượng hoặc hình vẽ, ký tự có tính chất sáng tạo để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân;

	MT93- Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái.	- Trẻ sao chép từ, chữ cái theo trật tự cố định, biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hoặc thông tin nào đấy và nói cho người khác biết ý nghĩa của các ký hiệu đó - Trẻ bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong hoạt động hàng ngày.
	MT94- Trẻ biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình.	- Biết "viết" tên của bản thân theo trật tự cố định. - Trẻ biết ghép các chữ cái thành tên mình. - Nhận được tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ. - Sau khi vẽ tranh biết viết tên của mình phía dưới
	MT95- Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	- Biết "viết" tên theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; - Hướng viết của các nét chữ
	MT96- Trẻ thích “ Đọc” theo truyện tranh đã biết.	- "Đọc" theo truyện tranh đã biết với nội dung chính phù hợp các tranh vẽ; giở tranh khi hết nội dung truyện
	MT97- Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Chăm chú, quan sát, thích đọc những chữ cái đã biết trong bảng chữ cái ở môi trường xung quanh.
	MT98- Trẻ thể hiện sự thích thú với sách	- Chăm chú xem sách và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách, bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe.
	MT99- Trẻ có một số hành vi như người đọc sách.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Chỉ tên các phần của sách; Bìa, tranh minh họa, tên sách, tên tác

		giả... giờ, lật, đọc từng trang từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
	MT100- Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Biết giữ gìn sách, biết cách giờ sách và cất sách gọn gàng sau khi đọc xong. Không ném, vẽ bậy, xé, làm nhàu, nhàu, bẩn sách.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI	PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM	
	MT101- Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân.	- Sở thích, khả năng của bản thân - Kể những việc mà mình có thể làm được, không làm được và giải thích được lý do
	MT102- Trẻ nói được khả năng, sở thích của bạn và người thân.	- Thể hiện sự quan tâm tới người khác bằng cách nói đúng khả năng và sở thích của một số người gần gũi
	MT103- Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Địa chỉ nhà, số điện thoại của bố (mẹ) và gia đình - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học - Đặc điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
	MT104- Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	- Nhận biết, phân biệt trang phục phù hợp với giới tính - Trẻ phân biệt được giới tính một cách rõ ràng và biết cư xử phù hợp với giới tính của mình
	MT105- Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân.	- Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động; - Nêu hoặc lựa chọn được các trò chơi, hoạt động mà trẻ thích.
	MT106- Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	- Ứng dụng phương pháp Montessori để phát triển kỹ năng Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của trẻ và khả năng dự đoán nhận xét và tỏ thái độ với hành vi

	"đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
MT107- Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình.	- Biết chấp nhận sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác - Không chê bai bạn bè.
MT108- Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày.	- Ứng dụng phương pháp Montessori để phát triển kỹ năng cá nhân, sự độc lập như: Chủ động làm một số công việc lao động tự phục vụ. Vệ sinh cá nhân, lau chùi dọn dẹp đồ chơi, chải chiếu, phơi khăn....
MT109- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng.	- Thực hiện và hoàn thành mọi công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Nhận công việc được giao mà không lưỡng lự.
MT110- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.	- Thể hiện thái độ vui sướng, thích thú khi hoàn thành công việc (Khoe với người khác, ngắm nhìn kết quả đã làm được...)
MT111- Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc
MT112- Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt.	- Bày tỏ cảm xúc phù hợp với người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
MT113- Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè;	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và người thân. - Nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui)
MT114- Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích	- Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột; Kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm

		xúc thái quá với sự giúp đỡ của người lớn
MT115- Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, kể chuyện...về Bác.		- Thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ.. về Bác
MT116- Trẻ biết quan tâm đến người lao động		- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến khám phá các nghề trong xã hội , biết tôn trọng; Quý trọng người lao động
MT117- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích văn hóa... của địa phương, quê hương, đất nước.		- Quan tâm đến di tích lịch sử như, chùa Quỳnh Lâm, Khu di tích nhà Trần, Chùa Ngọa Vân, Chùa Hồ Thiên... cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước - Biết được các ngày tết theo phong tục của địa phương: Tết đoan ngọ 5/5; Rằm tháng 7.
PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI		
MT118- Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp		- Một số quy định ở lớp (lấy và cất đồ dùng cá nhân, đồ chơi đúng chỗ,)
MT119- Trẻ thực hiện một số quy định ở gia đình và nơi công cộng.		- Một số quy định ở gia đình và nơi công cộng như vứt rác đúng nơi quy định, không ngắt lá, bẻ cành,
MT120- Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.		- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng cử chỉ, lời nói lễ phép, lịch sự.
MT121- Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn.		- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Biết xin lỗi khi biết mình đã mắc lỗi
MT122- Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi.		- Chủ động đến nói chuyện giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi; - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi.
MT123- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình		- Nói đủ nghe, không nói quá to và quá nhỏ trong khi giao tiếp, cần điều

	huống và nhu cầu giao tiếp.	chỉnh giọng nói ở các mức độ khác nhau phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp như không nói to khi có người bị mệt, tâm trạng buồn - Giao tiếp với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện
	MT124- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.	- Có hành vi văn minh, lịch sự trong giao tiếp, hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.
	MT125- Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác.	- Biết lắng nghe, tôn trọng, chấp nhận chờ đến lượt khi trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác.
	MT126- Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.	- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.
	MT127- Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, cùng bạn làm các công việc đơn giản và có thể chủ động làm trước các công việc và rủ bạn làm theo để giải quyết các nhiệm vụ đề ra
	MT128- Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
	MT129- Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.	- Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. Nhận và thực hiện vai của mình trong các trò chơi cùng nhóm bạn. - Tôn trọng hợp tác chấp nhận, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ.
	MT130- Trao đổi ý kiến của	- Dùng lời để trao đổi, thoả thuận, trình bày ý kiến của mình với các

	mình với các bạn.	bạn thông qua các hoạt động hàng ngày
	MT131- Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.	- Biết chia sẻ cảm xúc vui, buồn...với bạn bè và người thân, chia sẻ kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi
	MT132- Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoạn nạn khó khăn	- Yêu mến, quan tâm đến mọi người, sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn - Khi thấy bạn cần sự giúp đỡ, chủ động đến giúp đỡ bạn - Khi bạn hay người lớn yêu cầu sự giúp đỡ sẽ nhiệt tình đến giúp đỡ nhau.
	MT133- Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi.	- Trong nhóm chơi dễ hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ thoải mái.
	MT134- Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.	- Chơi với bạn và nhường nhịn bạn trong khi chơi và học. - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn với bạn; - Không đánh bạn, không tranh giành đồ chơi, không la hét hoặc nằm ăn vạ;
	MT135- Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	- Có thái độ đúng đắn khi nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác
	MT136- Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.	- Khi gặp khó khăn biết tìm sự hỗ trợ, biết sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự giúp đỡ của người khác. - Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ sự giúp đỡ của người lớn
	MT137- Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, biết chia sẻ, nhường nhịn

		quan tâm đến sự công bằng trong nhóm chơi.
	MT138- Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.	- Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác, cảm xúc của trẻ được thể hiện đúng tình huống, hoàn cảnh và biết kiềm chế cảm xúc khi cần thiết.
	MT139- Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	Biết các hành vi đúng- sai của con người đối với môi trường và nhận xét được vì sao hành vi đó đúng? và vì sao hành vi đó sai?
	MT140- Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ trải nghiệm các hoạt động giữ gìn vệ sinh trường, lớp và ngoài đường + Sử dụng tiết kiệm điện, nước.... + Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
	MT141- Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc.	- Thích cho các con vật ăn và ngắm nhìn, vuốt ve các con vật quen thuộc và chăm sóc, bảo vệ cây cối.
PHÁT TRIỂN THẨM MĨ	MT142- Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.	- Thể hiện thái độ, tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật
	MT143- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc	- Có thái độ vui tươi, hồ hởi, thích thú hoặc buồn bã....., thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc
	MT144- Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.	- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, nhạc

	dân ca, nhạc cổ điển...)
MT145- Nâng cao khả năng sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật của trẻ	- Trẻ tạo ra các sản phẩm nghệ thuật theo ý tưởng của trẻ - Trẻ có khả năng cảm thụ nghệ thuật thông qua các tác phẩm nghệ thuật và tác phẩm âm nhạc.
MT146- Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em.	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
MT147- Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.	- Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật
MT148- Trẻ biết các hình thức vận động phù hợp	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu, nhanh, chậm, phối hợp.
MT149- Trẻ biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát
MT150- Trẻ biết vận động sáng tạo theo ý thích của trẻ	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ phát triển khả năng sáng tạo tự nghĩ ra các hình thức vận động, tạo ra âm thanh theo các bản nhạc, bài hát mà trẻ yêu thích.
MT151- Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân qua các hoạt động khác nhau	- Ứng dụng phương pháp Tiên tiến để trẻ phát triển khả năng sáng tạo tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát bản

	nhạc yêu thích. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
MT152- Trẻ có thể đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát).	- Trẻ bước đầu làm quen với hình thức sáng tác âm nhạc bằng cách đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
MT153- Trẻ biết một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.
MT154- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng tạo hình khác nhau để tạo thành sản phẩm.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT155- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- Ứng dụng phương pháp tiên tiến để trẻ phát triển khả năng sáng tạo ra các sản phẩm theo ý thích từ các nguyên vật liệu khác nhau
MT156- Trẻ biết tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ	- Tô đồ theo các nét vẽ, hình vẽ không chừa ra ngoài
MT157- Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	- Trẻ nói được ý tưởng khi tạo ra sản phẩm tạo hình của mình, nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
MT158- Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng của mình	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ - Tạo ra những sản phẩm không giống bạn.

Dự kiến chủ đề và thời gian thực hiện:

Số thứ tự chủ đề	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề	Điều chỉnh
1	Bé thích đến trường mầm non	3 tuần (Từ 05/09/2024 đến 27/09/2024)	
2	Giúp bé yêu bản thân mình	3 tuần (Từ ngày 30/09/2024 đến 18/10/2024)	
3	Gia đình thân yêu của bé	4 tuần (Từ ngày 21/10/2024 đến 15/11/2024)	
4	Nghề ước mơ của bé	4 tuần (Từ ngày 18/11/2021 đến 13/12/2024)	
5	Những con vật ngộ nghĩnh	4 tuần (Từ ngày 16/12/2024 đến 10/01/2025)	
6	Những loài cây thú vị quanh bé	4 tuần (Từ ngày 13/01/2025 đến 21/02/2025)	
<i>Nghỉ tết Nguyên Đán từ 27/01/2025 đến 08/02/2025</i>			
7	Bé vui học giao thông	3 tuần (Từ ngày 24/02/2025 đến 14/03/2025)	
8	Thiên nhiên diệu kỳ	4 tuần (Từ ngày 17/03/2025 đến 11/04/2025)	
9	Quê hương - Đất nước	3 tuần (Từ ngày 14/04/2025 đến 02/05/2025)	
10	Chuẩn bị hành trang cho bé vào trường tiểu học	3 tuần (Từ ngày 05/05/2025 đến 23/05/2025)	

4. Các hoạt động giáo dục, hình thức, phương pháp giáo dục và tổ chức môi trường giáo dục

4.1. Các hoạt động giáo dục

a. Nhà trẻ

(1). Hoạt động giao lưu cảm xúc

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hân hờ, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

(2). Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

(3). Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

(4). Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

(5). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

b. Mẫu giáo

(1). Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

(2). Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

(3). Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

(4). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

42. Hình thức tổ chức

a. Nhà trẻ

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

b. Mẫu giáo

(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

4.3. Phương pháp giáo dục

a. Nhà trẻ

(1). Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

(3). Nhóm phương pháp thực hành

a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

b) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

c) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

(4). Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

(5). Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

b. Mẫu giáo

(1). Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.
- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.
- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.
- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

(3). Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

(4). Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.
- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

4.4. Tổ chức môi trường giáo dục

a. Nhà trẻ

(1). Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.
- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở[32], tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động[33], đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- + Trẻ dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động.
- + Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.
- + Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.
- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

(2). Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

b. Mẫu giáo

(1). Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.
- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

(2). Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.
- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.
- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

6. Đánh giá sự phát triển của trẻ

a. Nhà trẻ

ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

(1). Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

(2). Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.

- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

(1). Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

(2). Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

b. Mẫu giáo

ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

(1) Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày.

(2) Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

(3) Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.

- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hàng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

(1). Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

(2). Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

(3). Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Đối với Hiệu Trưởng

- Biên soạn, duyệt và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Chịu trách nhiệm trước cấp trên về chương trình giáo dục nhà trường

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường tới các tổ chuyên môn

3. Đối với Tổ chuyên môn

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Giám sát quá trình thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Triển khai tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường tới toàn thể giáo viên

4. Đối với giáo viên nhóm lớp

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường khi cần thiết
- Phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường
- Thực hiện chương trình giáo dục tại nhà trường phù hợp với nhóm lớp mình phụ trách

VI. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Sau quá trình đánh giá sự phát triển của trẻ (đánh giá trẻ hằng ngày, đánh giá trẻ theo giai đoạn, đánh giá trẻ cuối chủ đề) để thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích, đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục của nhà trường từ đó nhận định mức độ phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường một cách phù hợp./.

Nơi nhân:

- Phòng GD&ĐT Đông Triều(b/c);
- CBGV (t/h);
- Lưu VT,CM.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mến